



THE RETURN OF
SHERLOCK
HOLMES

ARTHUR
CONAN DOYLE

Sherlock Holmes Trở Về

Conan Doyle

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Table of Contents

[Chương 1 - Vụ án mạng ở Abbey Grange](#)

[Chương 2 - Cuộc phiêu lưu của sáu pho tượng Napoleon](#)

[Chương 3 - Ngôi nhà bỏ trống](#)

[Chương 4 - Peter Hắc Ám](#)

Chương 1 - Vụ án mạng ở Abbey Grange

Vào một buổi sáng lạnh lẽo và buốt giá của mùa đông năm 1897, tôi bỗng thức giấc vì có ai lay mạnh vai tôi. Hóa ra là Holmes. Ngọn nến trên tay anh soi rõ gương mặt hăm hở, mà chỉ thoáng nhìn qua cũng biết ngay là có chuyện vừa xảy ra.

“Đi thôi, Watson, đi thôi!” anh giục “Đừng hỏi han gì cả! Mặc ngay quần áo vào, rồi lên đường!”

Mười phút sau, hai chúng tôi đã ngồi trên một chiếc xe ngựa và lóc cóc băng qua những đường phố yên tĩnh đến ga Charing Cross. Ánh bình minh yếu ớt của một ngày đông bắt đầu ửng lên, nên thỉnh thoảng chúng tôi có thể thấy được bóng dáng lờ mờ của một người thợ đi làm sớm. Sau khi chúng tôi uống mấy chén trà nóng ngoài ga và được yên vị trên chuyến tàu đi Kent, anh mới thấy đủ ấm người lên để nói, còn tôi thì mới đủ tỉnh trí để nghe được câu chuyện. Holmes rút trong túi ra một mảnh giấy và đọc to lên:

“Abbey Grange, Marsham, Kent, 3.30 sáng

Ông Holmes thân mến. Tôi sẽ rất lấy làm sung sướng, nếu ông vui lòng trợ lực cho tôi ngay lập tức trong việc điều tra một vụ án nhiều điều thú vị. Vụ này rất hợp với sở thích của ông. Ông sẽ thấy tôi vẫn giữ nguyên hiện trường, đúng như lúc tôi được mời đến. Chỉ xin ông đừng bỏ lỡ thời gian.

Người bạn trung thành của ông.

Stanley Hopkins”.

“Hopkins đã bảy lần mời tôi và lần nào cũng rất thích đáng” Holmes nói “Tôi nghĩ chúng ta sẽ có một buổi sáng thú vị. Vụ án mạng xảy ra lúc 12 giờ đêm qua.”

“Căn cứ vào đâu mà anh có thể nói chắc như thế?”

“Vào giờ tàu và cách tính thời gian. Đầu tiên họ phải mời cảnh sát địa phương. Tiếp đó mới trình báo với Scotland Yard. Rồi Hopkins phải đến tận hiện trường, sau đó mới có thể đánh điện cho tôi. Phải mất trọn một đêm mới

làm được chừng đó việc. À, ga Chislehurst kia rồi. Mọi chuyện rồi sẽ sớm ngã ngũ thôi.”

Vượt qua quãng đường vài dặm trên một hương lộ hẹp, chúng tôi đến trước cổng một khu vườn. Người gác cổng già vội mở cổng cho chúng tôi. Một lối đi rộng vắt ngang khu vườn, chạy giữa hai hàng cỏ thụ, dẫn đến trước một tòa nhà rộng và thấp. Phần chính tòa nhà rất cổ kính, ẩn mình dưới những dây trường xuân sum suê, nhưng những khung cửa sổ rộng cho thấy chủ nhân đã cho sửa sang lại theo kiểu dáng hiện đại. Một bên trái xem ra mới làm thêm. Đón chúng tôi trước cánh cửa mở rộng là viên thanh tra Stanley Hopkins, dáng trẻ trung, gương mặt lộ rõ vẻ nôn nóng.

“Ông Holmes, rất mừng là ông đã đến Và cả ông nữa, bác sỹ Watson. Thực ra giá được biết sớm, chắc tôi chẳng dám làm phiền ông. Từ khi tỉnh lại, phu nhân đã cho chúng tôi biết về vụ này một cách rành rọt đến nỗi chúng ta có lẽ chẳng còn bao nhiêu công việc để làm nữa. Ông chắc còn nhớ băng trộm ở Lewisham?”

“Sao? Băng ba cha con nhà Randall phải không?”

“Đúng vậy. Ông bố với hai thằng con. Rõ ràng là bàn tay của chúng. Tôi không còn hồ nghi chút nào. Chúng mới ra tay ở Sydenham cách đây hai tuần. Người nhà ở đấy đã nhận diện được chúng. Thật kỳ lạ là chúng lại dám tiến hành một vụ nữa sớm như vậy. Nhưng đây chính là băng đó, chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Lần này thì nhất định chúng khó lòng thoát khỏi giá treo cổ. Ngài Eustace Brackenstall, một trong những người giàu có nhất ở Kent, đã bị sát hại. Chúng đã dùng chính thanh cờ than trong phòng đập vỡ sọ ông. Phu nhân Brackenstall hiện đang nằm trong phòng tiếp khách buổi sáng. Tôi nghiệp cho phu nhân, bà đã phải một phen hãi hùng. Bà gần như chết khiếp khi tôi vừa đặt chân đến đây. Tôi nghĩ, hai ông nên gặp phu nhân, để được nghe chính bà kể lại đầu đuôi vụ này. Sau đó, chúng ta sẽ cùng xem xét phòng ă.”

Phu nhân Brackenstall quả là một người phụ nữ phi thường. Mái tóc bà vàng óng, mắt xanh, dáng người thanh tú, dung nhan thật diễm lệ. Ngay phía trên một bên mắt là một vết bầm tím, sưng vù, trông chẳng đẹp chút nào. Bà hầu

của phu nhân đang dùng nước chườm vết thương. Còn phu nhân thì mệt mỏi nằm dài trên đi-văng, người khoác một chiếc áo choàng rộng màu xanh đậm ngân tuyến.

“Ông Hopkins, tôi đã kể hết mọi chuyện với ông rồi.” bà nói, giọng mệt nhọc “Ông không thể thay tôi thuật lại được sao? Ấy, nếu ông thấy cần, tôi đành kể lại lần nữa với các quý ông mới tới này. Hai vị ấy đã vào phòng ăn chưa?”

“Tôi nghĩ tốt hơn cả là nên để hai ông đây nghe phu nhân kể trước đã.”

“Tôi hy vọng các ông có thể dàn xếp được mọi việc. Thật khủng khiếp khi nghĩ đến cảnh nhà tôi vẫn còn nằm nguyên đó.” Phu nhân rùng mình, đưa tay che mặt một lát. Khi bà đưa tay lên, ống tay áo rộng hạ xuống tận khuỷu. Holmes thốt lên:

“Ồ, thưa phu nhân, phu nhân còn bị mấy vết thương trên tay nữa kìa! Sao thế này?”

Hai vết đỏ ửng nổi bật trên cánh tay trắng muốt tròn trĩnh của phu nhân. Bà vội kéo ống tay áo xuống che đi.

“Ồ, không có gì đâu. Mấy cái vết này chẳng dính dáng gì đến vụ đêm qua cả. Nếu ông và các bạn ông chịu phiền ngồi xuống, tôi xin kể hết những gì tôi biết được.

Tôi là vợ huân tước Eustace Brackenstall. Chúng tôi kết hôn với nhau được gần một năm nay. Cuộc hôn nhân chẳng lấy gì làm êm thấm. Có lẽ một phần là tại tôi. Tôi lớn lên trong khung cảnh của miền nam nước Úc, vốn tự do hơn và ít lễ nghi hơn, nên tôi không thích lối sống ở Anh quốc. Nhưng lý do chính mà ai cũng biết là ông Eustace nhà tôi là một người nghiện rượu thâm căn cố đế. Sống với một con người như vậy thì dù chỉ một giờ cũng chẳng được thế nào là tình cảnh tôi, một phụ nữ nhạy cảm, lại bị trói chặt cả ngày lẫn đêm với một người như thế?

Tôi xin kể với các ông chuyện đêm qua. Tất cả người hầu kẻ hạ trong nhà này đều ở trong dãy nhà dọc mới xây. Toàn bộ tòa nhà chính được phân thành những phòng khách; còn sau lưng là nhà bếp. Ông nhà tôi cho bố trí

phòng ngủ của hai chúng tôi trên lầu. Người hầu gái của tôi, bà Theresa, thì ngủ trong một căn phòng ngay bên trên phòng chúng tôi. Ngoài bà ta ra trên lầu không còn một ai; nên không một tiếng động nào có thể vọng xuống đám gia nhân ở dưới kia. Bọn kẻ trộm chắc hẳn biết rõ điều đó; nếu không, nhất định chúng đã không dám hành động như thế.

Tối qua, ông Eustace nhà tôi lui về phòng riêng lúc 10 giờ rưỡi. Đám gia nhân cũng đều lui về phòng của họ. Chỉ còn một mình bà Theresa vẫn thức trên phòng mình, ở tầng trên cùng tòa nhà, chờ xem tôi có cần sai bảo gì không. Tôi ngồi tại căn phòng này đến quá mười một giờ, mê mải đọc sách. Rồi tôi đảo một vòng quanh nhà, để xem mọi thứ đã ngăn nắp chưa, trước lúc lên gác. Tôi luôn tự mình cáng đáng việc này, vì như tôi đã nói, không phải lúc nào tôi cũng có thể cậy vào nhà tôi.

Tôi xuống nhà bếp, ghé phòng viên quản gia, lên phòng khách, rồi cuối cùng là phòng ăn. Vừa đến gần khung cửa sổ có che một tấm màn dày, tôi hiểu rằng cửa sổ để ngỏ. Tôi kéo tấm rèm sang một bên thì thấy mình đang đứng đối mặt với một gã đàn ông to ngang, đứng tuổi, vừa đặt chân vào phòng. Cái cửa sổ đó là thứ cửa sổ cao, kiểu Pháp, có thể dùng như một cửa ra vào thông ra vườn. Nhờ ánh nến từ phòng ngủ tôi hắt ra, tôi thấy còn có hai tên nữa theo vào sau lưng gã kia.

Tôi lùi lại, nhưng gã đàn ông xông vào tôi ngay. Mới đầu gã chộp cổ tay tôi tiếp đến chẹn chặt cổ. Tôi mở miệng định kêu, nhưng hắn đã đánh rất mạnh vào trán tôi ngay bên trên mắt, khiến tôi khuỵu xuống. Tôi ngất đi, chắc phải một lát sau mới tỉnh lại, lúc bấy giờ tôi thấy bọn chúng đã giật đứt một sợi dây kéo chuông và trói tôi vào chiếc ghế mức không thể cựa quậy được, rồi một chiếc khăn tay bịt quanh miệng tôi làm cho tôi không còn cách nào kêu la. Đúng lúc đó, người chồng bất hạnh của tôi bước vào phòng. Chắc ông ấy nghe thấy những tiếng động khả nghi nên đã chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó. Ông ấy mặc áo ngủ và quần dài, tay cầm chiếc gậy ưa thích. Ông ấy lao đến một gã trong băng trộm, nhưng một gã khác, gã đứng tuổi, đã kịp cúi xuống nhặt cái thanh còi than trong lò sưởi ra, và giáng mạnh một vồ khi ông ấy đi ngang qua trước mặt gã. Nhà tôi gục ngã, không còn rên nổi một tiếng, và nằm bất động không bao giờ còn dậy nữa. Tôi lại ngất đi, nhưng cũng chỉ

trong vài phút. Lúc tỉnh lại, tôi thấy bọn chúng đã vơ hết từ trong tủ buýp phê ra mấy bộ đồ dọn ăn bằng bạc, mở một chai rượu cũng lôi từ đó ra. Mỗi tên cầm một cốc. Như tôi đã nói, một gã trong bọn đã đứng tuổi, có râu; hai đứa kia còn trẻ măng. Chắc chúng là ba bố con. Chúng trò chuyện với nhau khe khẽ. Xong, chúng tới chỗ tôi, xem tôi đã bị trói chặt chưa. Cuối cùng, chúng chuồn ra ngoài, không quên đóng chặt cửa sổ. Mất 15 phút, tôi mới gỡ được chiếc khăn khỏi miệng. Nhờ thế, tôi mới la lên được, gọi bà hầu gái tới giúp tôi. Chúng tôi cho người đến báo cho cảnh sát đại phương. Họ lập tức báo lên London. Đó là tất cả những gì tôi có thể kể cùng quý ông, và tôi hy vọng sẽ không phải nhắc lại câu chuyện đau lòng này nữa.”

“Ông có hỏi gì không, ông Holmes?” Hopkins hỏi.

“Tôi không muốn lạm dụng lòng kiên nhẫn và thời giờ của phu nhân Brakenstall nữa.” Holmes nói. Rồi anh đưa mắt về phía bà hầu gái “Trước lúc sang phòng ăn, tôi muốn được nghe câu chuyện của bà.”

“Tôi đã trông thấy bọn chúng trước lúc chúng vào nhà” bà nói “Khi ngồi bên cửa sổ trong phòng ngủ, tôi thấy ba người đàn ông hiện ra bên cổng dưới ánh trăng, nhưng lúc đó tôi không nghĩ bọn chúng là kẻ trộm. Hơn một tiếng sau, tôi bỗng nghe thấy tiếng bà chủ kêu, tôi mới chạy xuống và thấy bà chủ lâm vào tình cảnh đúng như bà ấy vừa kể; còn ông chủ thì nằm dưới sàn. Cảnh đó quá đủ để làm cho một người phụ nữ mất vía, nhất là khi bị trói chặt. Nhưng phu nhân tôi không bao giờ thiếu can đảm cả. Quý ông hỏi bà chủ tôi lâu quá rồi đó ạ, nên bây giờ xin quý ông cho tôi đưa bà chủ về phòng nghỉ vì mệt mỏi quá rồi.”

Như một người mẹ hiền, bà hầu phòng vòng tay qua lưng chủ, đỡ bà về phòng.

“Bà ta quán quít với phu nhân từ nhỏ tới giờ” Hopkins nói “chăm chút phu nhân từ khi còn là một hài nhi cho tới lúc sang Anh, khi lần đầu tiên họ rời Úc cách đây một năm rưỡi. Tên bà ấy là Theresa Wright. Ông Holmes, mời ông đi lối này.”

Vẻ hào hứng biến mất trên gương mặt sinh động của Holmes, và tôi hiểu ra rằng vụ này chẳng còn lôi cuốn anh chút nào nữa vì đã hết tính chất bí ẩn ly

kỳ. Một người thầy thuốc từng trải được mời tới chữa một ca cảm lạnh thông thường cũng sẽ có cảm giác giống hệt như vậy thôi. Nhưng cảnh tượng trong phòng ăn tại Abbey Grange đủ kỳ lạ để khơi dậy sự chú ý của anh.

Phòng này rất rộng, trần cao, ghép bằng những tấm gỗ sồi có chạm trổ, trên bốn vách tường trưng bày la liệt cả một bộ sưu tập tuyệt vời những gạc nai và vũ khí kiểu cổ. Trong góc xa nhất của căn phòng kể từ cửa ra vào là cánh cửa sổ kiểu Pháp mà chúng tôi đã được nghe kể. Ba khung cửa sổ nhỏ hơn bên tay phải làm cho căn phòng tràn ngập ánh nắng lạnh lẽo của mùa đông. Phía bên trái là một cái lò sưởi rộng, xây sâu vào tường, với những súc gỗ sồi nguyên khối viền quanh. Cạnh lò sưởi có đặt một chiếc ghế bành gỗ sồi dáng nặng nề. Luôn qua một lỗ nhỏ trên những hoa văn chạm trổ trên chiếc ghế bành ấy là một sợi thừng đỏ, được cột chặt ở cả hai bên. Khi cởi trói cho phu nhân, người ta nới rộng sợi dây, nhưng những chỗ thắt nút vẫn chưa được tháo hẳn. Tuy vậy tâm trí chúng tôi bị thu hút hoàn toàn vào các vật khủng khiếp, đang nằm dài trước mặt lò sưởi: xác của ông chủ nhà.

Nạn nhân là một người đàn ông cao lớn, thân hình cân đối, tuổi trạc tứ tuần. Ông ta nằm ngửa, cằm nghếch lên, hàm răng trắng lộ rõ phía dưới hai mép hơi nhếch lên sau bộ râu đen xén ngắn. Hai bàn tay nắm chặt đang ở tư thế còn giờ cao quá đầu. Một chiếc gậy nặng trích nằm vắt ngang qua giữa hai bàn tay. Trên gương mặt đẹp trai, ngăm đen hẳn rõ một vẻ căm thù ghê gớm. Chắc ông đang ngả lưng trên giường khi nghe tiếng động, vì trên người vẫn còn mặc nguyên áo ngủ, và phía dưới gấu quần còn thấy rõ đôi chân đi đất. Đầu ông bị một vết thương khủng khiếp. Cạnh đó nằm chỏng chơ chiếc thanh còi than bị cong lại vì cú giáng mạnh vào đầu. Holmes xem kỹ thanh sắt và xác nạn nhân.

“Lão kia hẳn phải có sức lực phi thường, lão Randall bố ấy” anh nhận xét.

“Đúng thế!” Hopkins đáp “Chúng tôi đã thu thập được một vài thông tin về lão và biết rõ lão là kẻ hết sức cộc cằn.”

“Tóm cổ lão ta, chắc đối với ông sẽ chẳng có gì khó khăn.”

“Không khó chút nào. Chúng tôi đã theo dõi lão từ lâu, vì lão đã tính chuồn sang Mỹ. Bây giờ, biết bọn chúng còn ở đây, tôi nghĩ bọn chúng chỉ còn cách

mọc cánh mới hy vọng trốn thoát. Chúng tôi đã cho yết thị nhân dạng bọn chúng tại tất cả các hải cảng, và định chiều nay thì công bố giải thưởng cho ai tóm được. Tôi thật không thể hiểu nổi tại sao bọn chúng lại làm một chuyên điên rồ như vậy, vì chúng thừa biết sẽ bị phu nhân tả lại diện mạo, và nhất định chúng tôi sẽ nhận ra chúng.”

“Đúng vậy. Tôi rất lấy làm lạ sao chúng không bắt phu nhân vĩnh viễn im lặng một thể.”

“Tôi dự đoán có lẽ chúng không biết là phu nhân đã tỉnh lại.” tôi nói.

“Có lẽ thế. Vì phu nhân xem ra đã bị ngắt xiu, nên chúng không thấy cần giết. Thế còn ông chủ tội nghiệp này thì sao, ông Hopkins? Tôi nhớ hình như có nghe đồn một số chuyện kỳ quặc về ông ta.”

“Khi tỉnh rượu, ông ta là người tốt bụng, nhưng hề quá chén rồi, thì hóa thành một con quỷ dữ. Vào những lúc như vậy, ông ta có thể làm đủ mọi chuyện. Có lần, ông ta đã gây nên một chuyện rắc rối: ông ta tẩm dầu hỏa khắp người một con chó rồi châm lửa đốt, mà đó lại chính là con chó của phu nhân, mới lôi thôi chứ, và người ta phải chật vật lắm mới giữ kín được vụ này. Về sau, ông ta còn ném cả một cái chai vào bà hầu phòng Theresa Wright. Chuyện này lại gây nên rắc rối. Nhìn chung, cái này tôi nói riêng với ông thôi, giá không có ông ấy thì cả nhà sẽ thấy dễ chịu hơn nhiều. Ông đang nhìn gì vậy?”

Holmes đang quỳ gối xuống sàn hết sức chăm chú xem xét những nút thắt trên sợi thừng đỏ dùng để trói phu nhân. Tiếp đến, anh xem kỹ chỗ đầu dây sòn bị đứt ra khi bọn trộm giật sợi thừng xuống.

“Khi chúng giật sợi dây này, cái chuông dưới bếp hẳn phải vang lên rất to” anh nhận xét.

“Không một ai nghe thấy cả. Nhà bếp nằm ngay sau nhà.”

“Do đâu mà kẻ trộm biết được là sẽ không có ai nghe thấy tiếng chuông? Sao hẳn lại dám liều lĩnh giật sợi dây như vậy nhỉ?”

“Đúng thế, ông Holmes, đúng thế. Ông nêu lên chính câu hỏi mà tôi vẫn tự hỏi đi hỏi lại nhiều lần. Không còn ngờ vực gì nữa, kẻ đó phải biết rõ nhà

này và thói quen sinh hoạt của những người đang ở đây. Chúng phải hiểu cặn kẽ tất cả gia nhân đều đang ngủ và không một ai ở dưới bếp để có thể nghe được tiếng chuông cả. Như vậy là hẳn phải quen biết rõ ai đó trong đám gia nhân. Chuyện này không còn gì phải nghi ngờ nữa. Nhưng trong nhà chỉ có tám gia nhân, và hạnh kiểm của họ đều rất tốt.”

“Bình thường ra” Holmes nói “người mà tôi nghi sẽ chính là kẻ bị ông Eustace ném vỏ chai rượu vào mặt: bà Theresa Wright. Tuy nhiên, nếu thế thì bà lại là kẻ phản chủ, người chủ mà bà ta hình như đã hầu hạ hết sức tận tụy. Thôi được, đó chỉ là chuyện nhỏ nhặt. Câu chuyện phu nhân kể rõ ràng là rất chính xác, nếu căn cứ vào những gì mà chúng ta đang thấy trước mắt” Anh tiến về phía khung cửa sổ kiểu Pháp, và đẩy cả hai cánh ra “Chỗ này chẳng có dấu vết gì, và lại mặt đất lại cứng như sắt nên tôi không có hy vọng tìm thấy dấu vết. Theo tôi, những ngọn nến trên mặt lò sưởi lúc đó đã được thắp sáng.”

“Đúng thế, chính nhờ những ngọn nến đó và mấy ngọn nến trong phòng ngủ của phu nhân mà bọn trộm thấy đường.”

“Thế bọn chúng đã lấy đi những gì?”

“Chẳng bao nhiêu. Mấy bộ đồ đã trong tủ buýp-phê. Phu nhân Brackenstall nghĩ rằng chắc bọn chúng đã hốt hoảng với cái chết của ngài Eustace. Nếu không, chắc chúng đã sục sạo khắp nhà.”

“Đúng thế thật. Nhưng tôi thấy chúng đã ung dung uống rượu.”

“Chắc để tự trấn tĩnh thôi.”

“Đúng thế. Ba chiếc cốc trên bàn chắc chưa ai động tới thì phải.”

“Chưa. Cả chai rượu vẫn để nguyên như khi bọn chúng bỏ lại.”

“Nào, để ta xem thử. Ồ, cái gì thế này?”

Ba chiếc cốc để trên bàn nằm cạnh nhau. Một chiếc vẫn còn ít cặn dưới đáy. Chai rượu đặt bên cạnh, chỉ vơi hết một phần ba, và nằm bên cạnh là cái nút chai dài ngấm rượu rất sâu. Thái độ của Holmes bỗng đổi khác, và tôi lại thấy cặp mắt sâu và tinh của anh ánh lên vì hào hứng. Anh giơ cao cái nút

chai lên ngắm nghía rất kỹ.

“Bọn chúng mở nút chai rượu bằng cách nào nhỉ?” anh hỏi.

Hopkins chỉ vào cái ngăn kéo đang mở nửa chừng, bên trong có vài chiếc khăn trải bàn vải lanh và một cái mở nút chai.

“Phu nhân Brackenstall có nói tới chuyện chúng dùng cái mở nút chai này không?”

“Không. Ông không nhớ à, phu nhân đã bị ngắt xiu khi chúng mở chai rượu.”

“Nhớ chứ. Thực ra cái mở nút chai này đã không được dùng đến. Chúng mở chai rượu bằng một cái mở nút loại bỏ túi, có lẽ nằm trong một con dao nhíp, và không dài quá 1 inch rưỡi[1]. Nếu ông quan sát phần trên của cái nút thì ông sẽ thấy ngay rằng cái nút chai của bọn chúng đã phải xoay vào ba lần mới mở được chai rượu. Còn nếu dùng cái trong ngăn kéo kia thì chỉ cần một lần xoay là được. Khi tóm được gã nọ, các ông sẽ phát hiện được rằng hắn có một con dao nhíp.”

“Tuyệt!” Hopkins nói.

“Nhưng, thú thực, ba cái cốc này lại khiến tôi băn khoăn. Phu nhân Brackenstall đã từng tận mắt ba gã nọ uống rượu phải không?”

“Có. Phu nhân đã kể rõ rồi còn gì.”

“VẬY là câu chuyện đã kết thúc. Còn biết nói gì nữa kia chứ? Nhưng ông phải thừa nhận rằng ba cái cốc này rất đáng để ý, thưa ông Hopkins. Sao, ông không nhận thấy gì sao? Thôi được, không sao cả. Dĩ nhiên, mấy cái cốc này chỉ là chuyện ngẫu nhiên thôi. Thôi, chào ông Hopkins. Tôi không nghĩ rằng tôi có thể giúp ông được gì, vì với ông, vụ này coi như đã rõ cả rồi. Khi nào ông bắt được Randall, ông nhớ báo cho tôi biết, và cũng xin ông cho biết những gì có thể xảy ra sau đó nữa. Tôi hy vọng sẽ sớm được chúc mừng ông kết thúc vụ án thắng lợi.”

Trên đường về, qua nét mặt của Holmes, tôi có thể thấy rõ là anh vẫn bị dẫn vật vì một điều gì đó mà chính mình vừa quan sát được. Cứ mỗi lần như vậy

anh lại cố gạt bỏ những ý nghĩ ấy đi và trò chuyện như thể vụ án đã rõ cả rồi. Nhưng sau đó, mỗi người vực lại ám ảnh anh, và về mặt anh cho thấy anh lại đang mãi nghĩ về căn phòng ăn lớn rộng tại Abbey Grange. Cuối cùng, đúng vào lúc sắp sửa rời ga, anh bỗng nhảy phắt xuống và kéo tôi xuống theo.

“Anh Watson thân mến ạ, anh thứ lỗi cho tôi nhé,” anh nói trong khi chúng tôi nhìn theo những toa cuối cùng của đoàn tàu khuất sau một khúc quanh. “Tôi rất lấy làm tiếc là gây phiền phức cho anh, nhưng thực tình tôi không thể để yên vụ án trong tình trạng như thế này. Mọi bản năng trời cho ở trong tôi đều lên tiếng phản đối việc đó: không ổn rồi, sai to rồi.

Tôi dám quả quyết rằng mình đã đi chệch hướng, xác nhận của bà hầu phòng cũng rất đầy đủ. Mọi chi tiết đều rất chính xác. Vậy tôi lấy gì để bác lại? Ba cái cốc, chỉ có vậy thôi. Nhưng sự thể ra sao, nếu ta không tin hoàn toàn vào những chuyện ấy? Nếu ta cứ tự xem xét sự việc một cách thận trọng, như lẽ ra ta phải làm trong trường hợp phu nhân Brackenstall không nói gì hết? Lúc bấy giờ, chẳng lẽ ta không tìm được một cái gì cụ thể hơn để điều tra tiếp hay sao?

Dĩ nhiên là được. Ngồi xuống đi, Watson! Trong lúc chờ chuyến tàu quay lại Chislehurst tôi sẽ trình bày cho anh thấy những bằng chứng. Chúng ta không nên tin vào bất cứ điều gì mà bà hầu phòng hoặc cô chủ ba ta đã nói. Đừng để cho cái nhân cách khả ái của phu nhân Brackenstall tác động đến những nhận định của chúng ta.

Chắc chắn là trong câu chuyện của phu nhân có những chi tiết mà nếu xem xét lại, ta sẽ thấy rất đáng nghi. Bữa trộm này vừa làm một vụ gây xôn xao cách đây hai tuần. Một số hành tung và diện mạo của bọn chúng đã được báo chí đăng tải, nên bất cứ ai muốn dựng lên một câu chuyện trộm cắp tương tự cũng đều nghĩ đến chúng. Thực ra, những bọn kẻ trộm vừa được một vô béo bở thì thường chỉ thích ngồi yên tận hưởng món “chiến lợi phẩm” nọ, chứ không dại gì lại tiến hành một vụ mạo hiểm mới. Việc chúng đánh một người đàn bà để buộc bà ta câm miệng cũng thật lạ đời, bởi lẽ theo tôi nghĩ, đó chính là cách chắc chắn nhất để khiến bà ta kêu ầm lên. Cũng lạ đời và việc gì chúng phải giết một mạng người trong khi bọn chúng thừa sức bắt ông ta ngồi im mà không cần gây án mạng. Cũng lạ đời là tại sao bọn chúng

lại mẫn nguyện chỉ với vài món dọn đồ ăn bằng bạc, trong khi chúng có thể vơ vét được nhiều hơn thế nhiều. Và điều lạ đời cuối cùng là tại sao bọn chúng lại chịu vứt lại chai rượu mới uống có một ít. Tất cả những điều vừa nói đó không khiến anh ngạc nhiên sao, Watson thân mến?”

“Toàn bộ, những điều đó gộp lại thì rõ ràng là rất đáng lưu ý, nhưng nếu xét từng điểm một thì thấy chẳng có gì là lạ.”

“Và bây giờ ta nói đến điều đáng chú ý nhất: mấy cái cốc uống rượu.”

“Mấy cái cốc đó thì có gì là lạ?”

“Người ta khai với chúng ta là cả ba đều đã uống rượu. Anh có tin lời khai đó không?”

“Sao lại không? Vết rượu vẫn còn nguyên trong cả ba.”

“Đúng. Nhưng chỉ một là còn thấy cặn rượu dưới đáy. Anh nên để ý chi tiết đó. Anh giải thích thế nào về chi tiết này?”

“Chiếc cốc có cặn là chiếc rót sau cùng.”

“Ồ, không, không. Chai rượu còn đầy, nên không thể có chuyện rượu ở hai cốc đầu thì trong, còn cốc thì ba thì không. Có hai khả năng giải thích, và chỉ có thể có hai thôi. Khả năng thứ nhất: rót xong hai cốc đầu, bọn chúng đã lắc mạnh chai, rồi mới rót cốc thứ ba, nên cặn chỉ lắng xuống cốc thứ ba. Nhưng khó có chuyện đó lắm. Phải, phải. Tôi tin chắc mình hoàn toàn đúng.”

“Vậy thì anh lý giải thế nào?”

“Họ chỉ dùng có hai chiếc cốc, và đổ những giọt cuối cùng trong hai cốc này sang cốc thứ ba để tạo cho người ngoài cái ấn tượng là đã có ba người cùng uống với nhau. Chính vì vậy, nên cặn rượu chỉ thấy có ở đáy chiếc cốc cuối cùng, đúng không? Phải, tôi quả quyết sự việc đã diễn ra đúng như thế. Nhưng nếu quả như vậy được, thì có nghĩa là phu nhân Brakenstall và bà hầu phòng của phu nhân cố tình nói dối chúng ta. Không một lời nào trong câu chuyện họ kể còn có thể tin cậy được cả. Họ phải có những lý do hết sức nghiêm trọng để che giấu kẻ thủ phạm đích thực, và chúng ta chỉ còn cách phải tự mình dựng lại vụ án, chứ đừng hy vọng vào bất cứ sự giúp đỡ nào từ

phía họ. Đó chính là sứ mạng mà ta phải gánh vác kể từ giờ phút này, và kìa, Watson tàu đi Chislehurst đã tới kia rồi.”

Những người sống ở Abbey Grange rất sững sốt khi thấy chúng tôi quay lại. Stanley Hopkins đã về gặp thượng cấp để báo cáo kết quả, nên Sherlock Holmes chiếm ngay lấy phòng ăn, khóa trái cửa lại và dành trọn hai giờ đồng hồ để khám xét cẩn thận mọi thứ. Tôi thì ngồi xuống một chiếc ghế kê ở góc phòng, hết như một sinh viên chăm chỉ theo dõi thầy giáo thao diễn, và cố theo sát từng bước một tiến trình của cuộc khám phá thú vị kia. Khung cửa sổ, mấy tấm rèm, chiếc thảm, chiếc ghế, rồi sợi dây - tất cả đều lần lượt được xem xét tỉ mỉ. Thi thể huân tước Eustace đã được mang đi rồi, nhưng mọi thứ vẫn còn được giữ nguyên như chúng tôi đã thấy sáng nay. Thế rồi, trước sự ngạc nhiên của tôi, Sherlock Holmes trèo lên mặt cái lò sưởi rộng. Trên đầu anh lủng lẳng một đoạn dây giạt chuông màu đỏ, dài chừng vài phân, vẫn còn buộc chặt vào sợi dây thép nối liền với cái chuông treo dưới nhà bếp.

Sherlock Holmes ngắm nó hồi lâu, rồi để vươn người lên cho gần thêm chút nữa, anh tì hấn gối vào một đường gờ bằng gỗ áp trên tường. Nhờ vậy tay anh chỉ còn cách đầu sợi dây chừng vài phân, nhưng việc đó không khiến anh chú ý bằng cái rằm chìa trên tường. Xong xuôi, anh nhảy xuống, miệng khẽ reo lên một tiếng tỏ ý mãn nguyện.

“Ồn cả rồi, Watson ạ” anh nói “Chúng ta đã khám phá được một trong những vụ án thú vị nhất trong bộ sưu tập của chúng ta. Nhưng tôi thật tội dạ, vì suýt nữa phạm phải một sai lầm tệ hại nhất đời mình! Bây giờ tôi nghĩ chỉ còn thiếu vài khâu bị mất nữa là tôi đã có trong tay hầu như toàn bộ chuỗi sự kiện.”

“Anh đã dò ra được các hung thủ?”

“Chỉ một thôi, Watson, một hung thủ thôi. Một thôi, nhưng là một kẻ đáng gờm. Hấn khỏe như gấu - cái thanh cời than bị bể cong kia là một minh chứng. Cao lớn, nhanh như sóc, khéo tay kinh khủng. Ngoài ra, còn tinh khôn rất mực, vì chính hấn đã dàn dựng nên toàn bộ vở kịch tài tình này. Có điều trên sợi dây kéo chuông kia, chính hấn đã để lại dấu vết của riêng mình,

giúp chúng ta có được một đầu mối để loại bỏ hết mọi ngờ vực.”

“Thế cái đầu mối đó nằm ở đâu?”

“Thế thì anh nghe đây, Watson. Nếu anh giật sợi dây chuông thì anh thử liệu xem nó sẽ đứt ở đoạn nào? Rõ ràng nó sẽ đứt ở chỗ nối với sợi dây thép. Vậy thì sao nó lại đứt ở cách chỗ ấy tám phân như anh đã thấy?”

“Vì chỗ đó bị sòn?”

“Đúng. Đầu dây này, như chúng ta đã xem xét, quả có bị sòn thật. Và gã nọ quả đã đủ tinh quái, nên hẳn mới dùng dao để làm cho sợi dây có vẻ như bị sòn. Nhưng đầu ở trên kia thì không. Đứng đây, anh không thể thấy được đâu, nhưng nếu anh trèo lên lò sưởi, anh sẽ thấy rõ nó đã bị cắt, chứ chẳng có dấu hiệu nào cho thấy là bị sòn cả. Bây giờ, anh có thể tự mình tái lập được mọi diễn tiến. Hung thủ cần một sợi dây. Hẳn không thể giật xuống vì sợ chuông rung, đánh động mọi người. Hẳn phải làm gì? Trèo lên lò sưởi, nhưng vẫn không với tới, nên phải tỳ đầu gối vào đầu rầm chìa, anh sẽ thấy dấu vết in lại trên lớp bụi ngoài đó, vì từ chỗ tôi còn thấp hơn ít nhất 3 inch[2] nữa. Bởi vậy, hẳn phải cao hơn tôi ít nhất 3 inch. Nay bây giờ anh thử nhìn xem vết gì trên mặt chiếc ghé bành gỗ sồi? Vết gì?”

“Vết máu.”

“Đúng là vết máu. Chỉ riêng chi tiết này thôi cũng đủ cho thấy: câu chuyện của phu nhân Brackenstall là chuyện bịa. Nếu bà ta đã bị trói vào đó trước lúc hung thủ giết ông chồng. Ước gì tôi được trò chuyện ngay bây giờ với bà vú nuôi Theresa. Chúng ta phải thật thận trọng, nếu chúng ta muốn thu thập được những thông tin mình muốn.”

Bà ta, bà vú nuôi người Úc nghiêm nghị ấy, quả là một nhân vật đáng chú ý. Bà ta đa nghi và ít thiện ý, nên thái độ hòa nhã của Holmes phải mất một thời gian mới chiếm được thiện cảm của bà. Bà chẳng hề giấu giếm lòng căm ghét cả bà đối với ông chủ quá cố.

“Vâng, thưa ngài, quả tình ông ấy có ném cái vỏ chai vào tôi được. Tôi thấy ông ấy lăng mạ bà chủ tôi, nên tôi bảo thẳng với ông ta rằng giá anh trai bà chủ có mặt ở đây thì ông ta đừng hòng ăn nói như thế. Vậy là tôi bị ông ấy

ném thẳng cái vỏ chai vào mặt.

Ông ấy thường xử tệ với phu nhân Brakenstall, mà bà chủ tôi vốn kiêu hãnh, không bao giờ than phiền. Bà ấy thậm chí cũng không kể cho tôi nghe những cách hành hạ của ông ta đối với bà. Ngay cả những vết bầm trên tay mà ông thấy sáng nay cũng vậy, như tôi biết rõ chính là vết đinh ghim mũ. Ông ấy tỏ ra hết sức dịu dàng hồi chúng tôi gặp nhau lần đầu chỉ mới cách đây có mười tám tháng. Nhưng cả hai chúng tôi lại cảm thấy mười tám tháng ấy dài chẳng khác nào mười tám năm.

Hồi đó, bà chủ tôi vừa chân ướt chân ráo tới London. Vâng, đó là lần xa nhà đầu tiên, chứ trước đó phu nhân chưa bao giờ đi đâu cả. Ông ấy đã dùng tước vị, tiền bạc và cả thủ đoạn giả dối để chiếm đoạt bà chủ. Lấy ông ta, bà ấy đã phạm một sai lầm, và bà ấy đã trả giá xong cho sự sai lầm ấy. Ông hỏi: chúng tôi gặp ông ấy hồi tháng nào, đúng không ạ? Thế thì xin thưa là chúng tôi gặp ông ta ngay sau ngày đến: chúng tôi sang hồi tháng 6, và gặp ông ta hồi tháng 7. Ông ấy cưới bà chủ tôi vào tháng Giêng năm ngoái. Vâng bà chủ vẫn đang nằm nghỉ dưới phòng khách, và dĩ nhiên sẽ vui lòng gặp ngài. Nhưng xin ngài đừng gạn hỏi bà ấy nhiều, vì bà ấy vừa phải chịu đựng hết thảy những gì ít người phàm trần đủ sức kham nổi.”

Phu nhân Brakenstall vẫn nằm trên chính chiếc đi-văng đó, nhưng trông đã đỡ thất sắc hơn hồi sáng, bà hầu phòng cũng theo vào cùng chúng tôi; và bắt tay vào thay tấm khăn chườm lên trán cô chủ.

“Tôi hy vọng” phu nhân lên tiếng “rằng ông đến đây không phải để thăm vấn tôi lần nữa?”

“Ồ, không,” Holmes đáp, giọng hết sức lịch sự “Tôi sẽ không quấy rầy bà thêm nữa đâu, thưa phu nhân Brakenstall. Tôi chỉ muốn cất đỡ gánh nặng cho phu nhân thôi.”

“Vậy ông muốn tôi phải làm gì?”

“Kể hết sự thật.”

“Ông Holmes!”

“Ồ, không, không, phu nhân Brakenstall làm như vậy hoàn toàn vô ích. Tôi

biết chắc rằng câu chuyện của phu nhân kể là hoàn toàn sai sự thật.”

Cả phu nhân Brakenstall lẫn bà hầu phòng đều chăm chăm nhìn Holmes, mặt tái đi, ánh mắt lộ vẻ sợ hãi.

“Ông thật là thô lỗ!” bà Theresa kêu lên “Ông muốn ám chỉ bà chủ tôi đã nói dối?”

Holmes đứng ngay dậy.

“Phu nhân không có gì để kể với tôi sao?”

“Tôi kể hết với ông rồi còn gì.”

“Mong phu nhân nghĩ lại, phu nhân Brakenstall. Chân thật, tôi nghĩ, sẽ tốt hơn nhiều.”

Một thoáng lưỡng lự lướt qua gương mặt kiêu diễm của phu nhân. Nhưng rồi một quyết định mới khiến khuôn mặt ấy cứng lại như thể đeo mặt nạ.

“Tôi đã kể hết với ông những gì mình biết.”

Holmes cầm lấy mũ, nhún vai.

“Tôi rất lấy làm tiếc” anh nói. Rồi không thốt thêm một lời nào nữa, chúng tôi rời khỏi phòng, ra về. Trong khu vườn có một cái ao, và bạn tôi lôi tôi đi về phía đó. Mặt ao đóng băng gần hết, và chỉ còn chừa một khoảnh nhỏ dành làm nơi trú đông có một con thiên nga cô độc. Holmes nhìn chòng chọc vào vũng nước nhỏ đó một lúc, rồi đi tiếp về phía cổng vườn. Dừng chân bên cổng, Holmes viết vội một mẫu tin ngắn, trao cho người gác cổng, nhờ chuyển lại cho ngài Stanley Hopkins.

“Chúng ta có thể hoặc trúng đích, hoặc chệch mục tiêu, nhưng đảng nào cũng phải làm được một chút gì giúp ông bạn Hopkins, dù chỉ để thanh minh cho chuyến viếng thăm thứ hai” anh nói “Tuy vậy tôi vẫn chưa dám tiết lộ hết bí mật với ông ấy. Tôi nghĩ, bây giờ nơi kế theo mà ta cần đến để điều tra vụ này là văn phòng của Hãng Hàng hải Adelaide - Southampton.”

Qua viên Giám đốc, Holmes nhanh chóng thu thập được mọi thông tin mà anh cần biết. Vào tháng sáu năm 1895, hãng chỉ có duy nhất một con tàu cập bến Anh quốc. Đó là chiếc “Rock of Gibraltar”, con tàu lớn và đẹp nhất

hãng. Bản danh sách hành khách cho thấy: cô Fraser xứ Adelaide cùng bà hầu của cô đã đi chuyến này. Hiện thời con tàu đang chạy ngang qua một nơi thuộc mạn nam kênh Suez, trên hải trình sang Úc như lệ thường. Thành phần sĩ quan trên con tàu vẫn giống hệt như hồi năm 1895, ngoại trừ một điều: viên phó thuyền trưởng, ông Jack Croker, đã được đề bạt lên cấp thuyền trưởng và chuyển sang chỉ huy con tàu mới của hãng, chiếc “Bass Rock”, hai ngày nữa sẽ rời Southampton. Viên sĩ quan này hiện sống tại Sydenham, nhưng sáng nay anh ta có lẽ sẽ đến đây, và nếu chúng tôi muốn thì có thể chờ gặp anh ta.

Tuy nhiên, Holmes lại không có ý định gặp mà lại hỏi thêm về lý lịch và hạnh kiểm của anh ta.

Lý lịch của anh ta tuyệt hảo. Trong hạm đoàn, không một sĩ quan nào được đánh giá cao như thế. Còn về hạnh kiểm, tuy anh ta là một người nông cuồng, liều lĩnh khi lên bờ, nóng nảy, dễ bị kích động, nhưng lại là một sĩ quan đáng tin cậy lúc thi hành phận sự, cương trực, chân thành và tốt bụng. Nắm được những thông tin đó, chúng tôi rời văn phòng hãng Adelaide - Southampton, và vòng tới sở điện tín Charing Cross. Holmes gửi một bức điện, rồi chúng tôi lại quay về phố Baker.

Gần tới, viên thanh tra Staley Hopkins ghé thăm chúng tôi. Công việc của ông rõ ràng chẳng mấy suôn sẻ.

“Ông Holmes, ông quả là một pháp sư. Thỉnh thoảng tôi nghĩ thậm ông có một sức mạnh siêu phàm. Nay, nhờ đây mà ông biết được những bộ đồ bằng bạc bị đánh cắp đó chúng đã vớt xuống đáy ao?”

“Thật vậy sao? Thế mà tôi không biết đấy.”

“Nếu vậy thì tại sao ông lại dặn tôi thử mò đáy ao?”

“Ông đã vớt lên được rồi chứ gì?”

“Phải, đúng thế.”

“Tôi rất lấy làm mừng là đã giúp được ông.”

“Nhưng ông có giúp gì tôi đâu! Ông làm cho vụ án rắc rối thêm thì có. Làm

gì có thứ kẻ trộm cố vơ vét đồ đạc bằng bạc, lại đem vứt xuống cái ao gần nhất?”

“Quả là một hành vi khá kỳ quặc. Tôi chỉ có ý là chỗ đồ bạc lấy đi chỉ để đánh lạc hướng chúng ta. Vì thế, dĩ nhiên, bọn chúng chỉ muốn vứt bỏ nó đi cho nhanh.”

“Nhưng tại sao ông lại đi đến ý nghĩ đó?”

“Ồ, tôi nghĩ đó là chuyện có thể có được. Khi chúng tẩu thoát qua cái cửa sổ kiểu Pháp, ngay trước mặt chúng đã hiện ra một cái ao. Trên mặt ao lại có một chỗ nước chưa đóng băng đầy sức quyến rũ. Tìm đâu ra một nơi cất giấu tốt hơn thế?”

“À, một nơi cất giấu! Hay quá!” Stanley Hopkins reo lên “Vâng, vâng, giờ thì tôi hiểu hết cả rồi! Dọc đường sẽ có người, chúng sợ chạm trán với họ giữa lúc đang mang mấy bộ đồ ăn bằng bạc, nên chúng vội tẩu tán tang vật xuống ao, chờ dịp thuận tiện sẽ quay lại lấy lên. Tuyệt quá, ông Holmes ạ. Ý tưởng này đặc địa hơn ý tưởng lúc đầu. Nhưng tôi vẫn vướng phải một trở ngại lớn.”

“Trở ngại?”

“Đúng thế, ông Holmes ạ. Băng Randall vừa bị bắt sáng nay tại New York.”

“Trời ơi, ông Hopkins! Vậy thì rõ ràng giả thuyết của ông về việc bọn này gây ra vụ án mạng tại Kent tối qua đã hoàn toàn đổ vỡ.”

“Ông Holmes, đó quả là một đòn chết người, thực sự chết người. Tuy vậy, chắc là còn có nhiều băng trộm khác, ngoài bọn Randall, cũng gồm ba tên, hoặc có một băng mới nào đó nữa, mà cảnh sát chưa hề nghe nói.”

“Có lẽ thế. Rất có thể là đúng thế thật. Nếu vậy thì ông còn phải điều tra tiếp?”

“Vâng, ông Holmes. Tôi còn chưa được nghỉ ngơi chừng nào vẫn chưa làm sáng tỏ ngọn ngành vụ này. Tôi hy vọng ông sẽ vui lòng gọi cho tôi một ý tưởng nào hay hay?”

“Thì tôi đã mách cho ông rồi đấy thôi.”

“Mách gì kia?”

“Phải, tôi đã nói với ông là bọn chúng cố đánh lạc hướng.”

“Nhưng để làm gì, ông Holmes, để làm gì?”

“À, dĩ nhiên, đó chính là vấn đề. Nhưng ông có thể thấy là có một cái gì trong đó. Ông không thể ở lại dùng cơm với chúng tôi à? Vậy thì xin tạm biệt ông, và nhớ cho chúng tôi biết kết quả cuộc điều tra.”

Ăn tối xong, Holmes châm một tẩu thuốc, rồi đưa chân lại gần ánh lửa đang reo vui trong lò sưởi. Thành linh anh liếc nhìn đồng hồ.

“Tôi đang chờ một sự việc nữa xảy ra, Watson ạ.”

“Bao giờ?”

“Chỉ vài phút nữa thôi. Chắc lúc này anh đang nghĩ rằng tôi đã đối xử không phải với Stanley Hopkins đúng không?”

“Tôi tin vào sự phán đoán của anh.”

- Một lời đáp thật tế nhị. Watson, anh phải nhìn sự việc theo cách sau đây: những gì tôi biết chỉ mang tính chất riêng tư, còn những gì ông ta biết lại là chuyện công vụ. Tôi có quyền phán đoán theo cách của riêng tôi; còn ông ta thì không thể.

Chương 2 - Cuộc phiêu lưu của sáu pho tượng Napoleon

Ông Lestrade, thanh tra Scotland Yard, buổi tối thỉnh thoảng ghé thăm chúng tôi và Sherlock Holmes rất hoan nghênh những buổi tối ấy, vì nhờ đó mà anh có được mối liên hệ thường xuyên với Scotland Yard. Để đền đáp lại cho những tin tức mà Lestrade đem đến, Holmes luôn chăm chú lắng nghe mọi tình tiết về các vụ án mà viên thanh tra này đang phụ trách điều tra. Đôi lúc, như hoàn toàn vô tình, anh biết cách đưa ra những lời khuyên và gợi ý rút từ vốn tri thức và kinh nghiệm phong phú của anh.

Riêng tối hôm đó Lestrade, sau khi nói về thời tiết và tin các báo, không nói thêm gì nữa, chỉ làm thinh. Holmes nhìn xoáy vào ông.

- Ông có vụ nào đáng chú ý không? - Holmes hỏi.

- Ồ không, ông Holmes ạ, chẳng có gì đặc biệt cho lắm.

- Vậy thì ông cứ kể cho tôi nghe đi.

Lestrade cười:

- Khó mà giấu nổi ông điều gì, ông Holmes ạ. Đúng là tôi đang nghĩ đến một chuyện, nhưng nó thật vớ vẩn nên tôi cứ phân vân không biết có nên làm phiền ông không. mặt khác, việc này lại rất đặc biệt, chắc chắn như thế. Tôi biết ông

vốn rất thích tất cả những chuyện khác thường. Nhưng theo tôi, chuyện này nên để bác sỹ Watson quan tâm hơn là tôi với ông.

- Bệnh tật gì không? - tôi hỏi.

- Chứng điên. Mà lại là một bệnh điên kỳ quặc nữa Các ông chắc không tưởng tượng được bây giờ mà lại có người căm ghét Napoleon Đệ nhất đến mức hễ thấy bất cứ một hình tượng nào của ông ta là đập vỡ cho bằng được.

Holmes ngả người trên ghế.

- Chuyện này không thuộc lĩnh vực của tôi, - anh nói.

- Đúng thế, thì tôi đã nói mà. Nhưng khi thằng cha đó phạm tội ăn trộm đập nát những pho tượng không phải của hắn, thì câu chuyện đã chuyển từ tay bác sỹ sang tay cảnh sát rồi.

Holmes lại ngồi thẳng dậy.

- Ăn trộm à! Câu chuyện đã thú vị hơn rồi. Xin ông kể chi tiết cho tôi nghe với.

Lestrade rút cuốn sổ ghi chép công vụ ra, và lật từng trang để nhớ lại cho rành mạch.

- Vụ thứ nhất chúng tôi được báo là cách đây bốn hôm. Sự việc xảy ra tại cửa hiệu ông Morse Hudson làm nghề bán tranh, tượng ở đường Kennington. Người phụ việc vừa rời khỏi cửa hiệu một lát thì nghe có tiếng loảng xoảng. Anh ta vội quay vào và thấy pho tượng bán thân Napoleon vẫn bày trên quầy cùng với các tác phẩm nghệ thuật khác đã vỡ tan tành trên sàn nhà. Anh ta chạy vụt ra đường nhưng không thấy ai, tuy có nhiều người qua đường nói rằng họ trông thấy một người từ trong cửa hiệu chạy ra. Pho tượng thạch cao nọ không đáng giá là bao, và toàn bộ sự việc đó chỉ như một trò trẻ con không đáng phải mở cuộc điều tra.

- Nhưng vụ thứ hai thì nghiêm trọng hơn và cũng kỳ quặc hơn. Chuyện mới xảy ra đêm qua.

Ở đường Kennington, cách cửa hiệu Morse Hudson vài trăm yard là nhà một bác sỹ có tiếng, tên là Barnicot. Tuy nhà ở đường Kennington, bác sỹ này có một phòng mổ ở đường Hạ Brixton, cách đây 2 dặm. Bác sỹ Barnicot là người rất hâm mộ Napoleon. Nhà ông đầy sách và tranh của vị hoàng đế Pháp này. Mới đây ông mua được ở cửa hiệu Morse Hudson hai bức tượng bán thân Napoleon bằng thạch cao do nhà điêu khắc người Pháp Devine tạc. Ông bày một bức trong đại sảnh của căn nhà trên đường Kennington, còn bức kia ông đặt trên mặt lò sưởi tại phòng mổ ở Hạ Brixton. Sáng nay, từ trên gác bước xuống, bác sỹ Barnicot phải sửng sốt khi phát hiện ra đêm qua nhà ông bị kẻ trộm đột nhập, song trong nhà không mất gì cả, ngoài bức tượng bán thân bằng thạch cao đặt ở đại sảnh. Tên trộm đã mang pho tượng ra khỏi nhà và đập nát vào bức tường ngoài vườn, vì sáng ra người ta thấy

mảnh tường vỡ nằm vung vãi dưới chân tường.

Holmes xoa tay nói:

- Chuyện này quả là rất mới lạ.

- Tôi vẫn nghĩ là ông sẽ thích chuyện này mà. Nhưng tôi vẫn chưa kể hết. Bác sỹ Barnicot phải đến phòng mổ lúc mười hai giờ trưa. Đến nơi, ông thấy cửa sổ phòng mổ đã bị phá tung từ đêm qua và khắp sàn vung vãi những mảnh vỡ của pho tượng thứ hai. Pho tượng bị đập vụn ngay tại chỗ. Trong cả hai vụ đều không có manh mối gì về tên tội phạm (hay kẻ điên rồ) đã làm ra vụ này. Đây sự việc là như vậy đấy, ông Holmes ạ.

- Tôi muốn biết hai pho tượng bị đập vụn của bác sỹ Barnicot có giống hệt với pho tượng bị phá tan tại cửa hiệu ông Morse Hudson không?

- Những pho tượng đó đều đúc từ một khuôn ra mà.

- Điều đó bác bỏ cái giả thuyết cho rằng kẻ đập tượng hành động do căm thù Napoleon: vậy thì việc kẻ đó bắt đầu bằng ba bản sao của cùng một pho tượng bán thân, khó lòng có thể là do một sự trùng hợp ngẫu nhiên.

- Chính tôi cũng nghĩ như ông, - Lestrade nói, - Tuy nhiên, Morse Hudson là người bán tượng ở khu vực đó của London và suốt mười năm qua cửa hiệu ông ta chỉ có duy nhất ba pho tượng kia. Cho nên tuy ông nói ở London có hàng trăm pho tượng Napoleon, nhưng cũng rất có thể ba pho tượng kia là những pho tượng duy nhất trong vùng đó. Vì vậy, cái người điên sống trong vùng mới khởi sự bằng chính ba pho tượng ấy.

- Tôi chỉ xin nhận xét là hấn hành động tuy rất kỳ lạ nhưng có tuân theo một nguyên tắc nào đấy. Chẳng hạn, ở đại sảnh trong nhà bác sỹ Barnicot, nơi mà tiếng động có thể làm cho chủ nhà thức giấc, hấn đã đem pho tượng ra ngoài rồi mới đập vỡ. Còn ở phòng mổ ít nguy hiểm hơn, hấn đã đập vụn pho tượng ngay tại chỗ. Vụ này có lẽ như nhố nhăng, nhưng một số vụ hay nhất của tôi khi mới khởi đầu cũng không có chút gì hứa hẹn. Vì vậy, tôi sẽ rất biết ơn ông, Lestrade, nếu ông báo cho tôi bất cứ tiến triển mới nào trong vụ này.

Các sự kiện tiếp theo của vụ án mà bạn tôi đang trông chờ xảy ra nhanh và

dưới một hình thức bi đát hơn chúng tôi tưởng tượng nhiều. Sáng hôm sau, tôi còn đang mặc quần áo trong phòng ngủ thì Holmes gõ cửa bước vào, tay cầm một bức điện. Anh đọc to lên:

”Đến ngay nhà số 131, đường Pitt, Kensington,.

Lestrade“.

- Thế là thế nào nhi?- Tôi hỏi.

- Không rõ. Cái này có thể hiểu thế nào cũng được. Nhưng tôi nghi đây là câu chuyện về những pho tượng kia. Nhưng trong trường hợp này, có lẽ anh bạn đập phá tượng của chúng ta đã chuyển hoạt động sang một khu khác của London. Cà

phê đã pha sẵn cho anh ở trên bàn và xe ngựa đã đợi sẵn ngoài cửa rồi.

Nửa giờ sau chúng tôi đã có mặt ở đường Pitt. Lúc chúng tôi đến gần, một đám người hiếu kỳ đã tụ tập trước ngôi nhà.

Holmes huýt sáo:

- Thế này thì ít ra cũng là một vụ mưu sát. Nếu không thì dân vô công rời nghề ở London không tụ tập đông đến thế. Ồ, Lestrade đang đứng bên khung cửa sổ trước nhà kia kìa. Chúng ta sẽ biết hết mọi việc ngay thôi.

Lestrade với vẻ mặt trịnh trọng bước ra đón chúng tôi và dẫn vào phòng khách. Chúng tôi thấy một người đàn ông đứng tuổi, mặc áo choàng nội tâm, đang đi đi lại lại trong phòng. Vẻ băn khoăn lo lắng, Lestrade giới thiệu đó là chủ nhà - ông

Horace Harker, một nhà báo.

- Chuyện pho tượng Napoleon lại tiếp diễn, - Lestrade nói - Tối qua ông tỏ ra quan tâm tới chuyện này, ông Holmes, nên tôi nghĩ ông sẽ vui lòng có mặt khi giờ đây vụ việc đã dẫn đến một sự kiện đáng buồn như thế này.

- Sự kiện gì vậy?

- án mạng. Ông Harker, phiền ông kể lại cho các vị đây nghe đầu đuôi câu chuyện vừa xảy ra. Người đàn ông mặc áo choàng quay về phía chúng tôi.

- Tôi đã nghe tiếng ông, ông Holmes ạ, - ông nói, - và nếu ông làm sáng tỏ được sự việc kỳ lạ này thì tôi cũng thấy mình được đền bù hậu hĩnh cho cái công trình bày tất cả những việc vừa xảy ra.

Mọi việc đều như xoay quanh cái pho tượng bán thân Napoleon tôi mua bốn tháng trước đây. Tôi mua được với giá rẻ tại hiệu Harding Brothers, gần nhà ga High Street. Tôi hay viết bài về đêm và thường ngồi làm việc đến tận sáng sớm. Hôm nay cũng vậy. Tôi ngồi làm việc trong phòng mình ở mặt sau tầng thượng, gần ba giờ sáng bỗng nghe có tiếng động dưới nhà.

Tôi lắng tai nghe nhưng chẳng thấy động tĩnh gì nữa, nên tôi nghĩ đó là tiếng động từ ngoài phố đưa vào. Nhưng độ năm phút sau, bỗng có tiếng hét hét sức khùng khiếp - tôi chưa bao giờ nghe thấy một âm thanh nào ghê rợn đến thế ông

Holmes ạ. Tiếng hét đó sẽ vang mãi trong tai tôi cho đến suốt đời. Người tê dại đi vì hãi hùng, tôi ngồi bất động vài phút, sau đó tôi cầm lấy cái que sắt thông lò và bước xuống nhà. Vừa bước vào phòng này tôi thấy cửa sổ mở toang và pho tượng

đặt trên mặt lò sưởi đã biến mất. Tôi không hiểu tại sao tên trộm lại lấy đi một vật như thế, vì pho tượng thạch cao ấy có đáng giá gì đâu.

Như các ông thấy đây, bất cứ người nào nhảy một bước dài từ cửa sổ này xuống, đều có thể ra đến bậc lên xuống ở cửa chính. Tên trộm rõ ràng đã ra dùng cách ấy, nên tôi đi vòng ra cửa chính và mở cửa. Tôi bước ra ngoài, và trong bóng tối tôi vấp chân suýt ngã đè lên một xác chết đang nằm đó. Tôi chạy vào nhà đem đèn ra. Cỗ họng kẻ bất hạnh bị đâm một vết rộng hóc, quanh xác chết máu loang đầy. Người bị giết nằm ngửa, hai đầu gối co lên, miệng há hốc ra trông rất gớm ghiếc. Từ nay trở đi hẳn sẽ hiện lên thường xuyên trong những cơn ác mộng của tôi. Tôi chỉ còn kịp gọi cảnh sát, và sau đó chắc là tôi đã ngất đi, vì tôi không còn hay biết gì nữa cho đến khi tôi tỉnh lại trong đại sảnh. Tôi mở mắt nhìn lên

thì thấy một viên cảnh sát đang đứng bên.

- Thế người bị giết là ai? - Holmes hỏi.

- Chẳng có gì cho biết người ấy là ai, - Lestrade nói.- Các ông sẽ được nhìn thấy cái xác, nhưng cho đến nay thì chúng tôi chưa làm gì được.

Đó là một người cao lớn, da rám nắng, khỏe mạnh, chưa đến ba mươi tuổi. Tuy ăn mặc nghèo khổ, anh ta không có dáng dấp dân lao động. Có một con dao nằm trong vũng máu cạnh xác anh ta. Tôi không rõ đó là con dao mà hung thủ đã dùng để gây án hay là con dao của nạn nhân. Trên quần áo anh ta chẳng thấy có tên tuổi gì, còn trong túi áo cũng chẳng có gì ngoài một quả táo, một sợi dây, một tấm bản đồ London và một bức ảnh. Nó đây này.

Đó là một tấm ảnh chụp nhanh bằng loại máy ảnh cỡ nhỏ. ảnh chụp một người đàn ông linh lợi, nét mặt gãy gọn, có cặp lông mày rậm.

- Thế còn pho tượng thì sao? - Holmes hỏi sau khi xem kỹ bức ảnh.

- Tôi vừa nhận được tin về pho tượng này ngay trước lúc các ông đến. Người ta tìm thấy nó trong vườn, trước một ngôi nhà không có người ở tại đường Campden House. Nó đã bị đập vụn ra từng mảnh. Tôi đang định đến đó xem đây. Các ông cùng đi chứ?

- Tất nhiên. Tôi phải đến đây xem qua một lượt. - Holmes xem xét tấm thảm và cái cửa sổ.

Chỗ tìm thấy những mảnh vỡ của pho tượng cách ngôi nhà chỉ vài trăm mét. Pho tượng của Napoleon bị đập vụn, nằm trên bãi cỏ. Holmes nhặt lên vài mảnh vụn và xem xét kỹ lưỡng. Qua nét mặt chăm chú của anh, tôi tin là rốt cục anh cũng lần ra được manh mối.

- Ông nghĩ sao? - Lestrade hỏi.

Holmes nhún vai.

- Chúng ta còn phải hết hơi với vụ này - anh nói.

- Nhưng dù sao thì... chúng ta cũng đã có được vài đầu mối để tìm tiếp. Dưới mắt tôi tội phạm kỳ quặc kia thì pho tượng bán thân rở tiền này còn đáng giá hơn cả mạng người. Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai cũng thật kỳ lạ. Nếu mục đích duy nhất của hắn là đập vỡ pho tượng, tại sao hắn không đập ngay trong nhà hay ngay sau khi ra khỏi nhà?

- Hẳn hoảng hốt khi chạm trán với người khác, đến nỗi giết người đó. Hẳn hầu như không ý thức được hẳn đang làm gì nữa.

- ừ, ông nói có lý. Song tôi muốn các ông đặc biệt lưu ý đến vị trí căn nhà này, nơi mà pho tượng đã bị đập nát trong vườn.

Lestrade đưa mắt nhìn quanh.

- Đây là ngôi nhà không có người ở nên hẳn biết sẽ không bị ai bắt gặp trong vườn.

- Phải. Nhưng từ đầu phố đến đây còn có một ngôi nhà bỏ không nữa mà, hẳn phải đi qua để đến đây. Tại sao hẳn không đập pho tượng ở đó? Hẳn thừa hiểu rằng đi xa thêm mỗi mét là tăng thêm nguy cơ bị phát hiện cơ mà?

- Tôi xin chịu thôi. - Lestrade nói.

Holmes chỉ lên ngọn đèn đường phía trên đầu chúng tôi.

- ở đây hẳn mới nhìn thấy rõ, còn ở đằng kia thì không. Đó chính là lý do hẳn phải đến tận đây.

Viên thanh tra thốt lên:

- Bây giờ tôi mới nhớ lại pho tượng của bác sỹ Barnicot bị đập vỡ cách chỗ ngọn đèn đỏ nhà ông không bao xa. Chúng phải xử lý thế nào với sự việc này, ông Holmes?

- Ghi nhớ nó. Sau này chúng ta có thể gặp phải một tình tiết buộc ta trở lại với nó đấy. Giờ ông định tiến hành những bước gì nữa, ông Lestrade?

- Theo tôi, thiết thực hơn cả là xác minh xem người bị giết là ai. Việc này thì không khó. Khi đã biết được anh ta là ai rồi, chúng ta có thể bắt tay vào điều tra xem đêm qua anh ta làm gì ở đường Pitt, kẻ nào đã gặp và giết anh ta trên bậc

thang trước cửa nhà ông Horace Harker. Ông thấy như vậy có được không?

- Được lắm. Nhưng tôi thì tôi sẽ tiếp cận vụ này một cách khác.

- Vậy ông sẽ làm thế nào?

- Ồ, ông không nên để tôi ảnh hưởng đến ông một chút nào. Tôi đề nghị là ông cứ theo cách của ông, còn tôi sẽ theo cách của tôi. Sau đó sẽ đối chiếu những điều đã ghi nhận được với nhau.

- Tốt lắm. - Lestrade nói.

- Nay anh Watson, tôi nghĩ trước mắt chúng ta sẽ là một ngày bận rộn đấy. Tôi sẽ rất vui, ông Lestrade ạ, nếu sáu giờ chiều này ông có thể thu xếp đến thăm chúng tôi ở Baker Street. Còn bức ảnh tìm thấy trong túi áo nạn nhân tôi xin được

giữ cho đến lúc đó. Tối nay có lẽ tôi phải nhờ ông giúp một tay nếu những suy luận của tôi cho thấy là tôi đúng. Từ giờ đến lúc đây xin tạm biệt và chúc ông may mắn.

Tôi và Holmes cùng đi bộ đến High Street và rẽ vào hiệu Harding Brothers, nơi đã bán pho tượng nọ. Một người phụ việc trẻ trong hiệu cho chúng tôi hay là ông Harding mãi đến chiều mới về, còn anh ta thì không thể giúp chúng tôi biết được

điều gì. Mặc Holmes đầy vẻ thất vọng và buồn bực.

- Chúng ta đành phải quay lại đây chiều nay thôi. Watson ạ, vì đến lúc đó ông Harding mới có mặt ở đây, cuối cùng anh nói. - Tất nhiên anh đã đoán ra là tôi đang cố lần theo dấu vết mấy pho tượng kia cho đến tận đầu mối, để xem tại sao gã điên nọ lại quan tâm đến chúng như vậy. Bây giờ chúng ta đến phố Kennington gặp ông Morse Hudson, thử xem ông ta có biết điều gì có thể làm sáng tỏ vụ này chẳng.

Chúng tôi đi xe ngựa mất một giờ thì đến được cửa hiệu bán tranh của Morse Hudson. Ông là một người thấp bé, mập mạp, mặt đỏ, phong thái có vẻ nóng nảy.

- Vâng, thưa ngài. Hẳn đập vỡ ngay tại quây của tôi, thưa ngài, - ông nói. chúng tôi đóng thuế để được gì, nếu bạ ai cũng có thể vào nhà phá phách đồ đạc. Vâng, thưa ngài, chính tôi đã bán cho bác sỹ Barnicot hai pho tượng. Tôi mua của ai những pho tượng ấy ư? Tôi không hiểu chuyện đó có can hệ gì đến sự việc. Thôi được, ngài đã muốn biết thì tôi xin nói. Tôi mua tại hãng

Gelder và Công ty trên đường Church, Stepney. Tôi có mấy pho tượng ư? Ba pho - hai cộng một là ba - hai pho tôi bán cho bác sỹ Barnicot, còn một pho nữa bị đập nát ngay giữa ban ngày ban mặt tại quầy hàng của tôi. Tôi có biết người trong ảnh này không ư? Không, tôi không biết. à có, tôi có biết. Hẳn là Beppo, người Ý. Hẳn làm được một vài việc cho cửa hiệu tôi. Hẳn biết chạm khắc đôi chút, và làm vài việc sai vặt trong hiệu. Hẳn đi khỏi hiệu tuần trước và từ đó tôi chẳng nghe thấy tăm hơi gì về hẳn nữa. Không, tôi không biết hẳn ta từ đâu đến. Hẳn rời hiệu tôi đi đâu tôi cũng

chẳng hay. Tôi chẳng có gì xung khắc với hẳn khi hẳn làm việc ở đây. Hẳn đi khỏi đây hai ngày trước khi pho tượng bị đập vỡ.

Ồ, những điều Morse Hudson cho chúng tôi biết thật đáng giá, chúng ta không thể mong muốn gì hơn thế, - Holmes nói khi chúng tôi rời cửa hiệu. - Chúng ta đã biết được tay Beppo này dính dáng đến cả hai vụ: cả ở Kennington lẫn ở Kensington, thật đáng công đi mười dặm đường đến đây. Anh Watson, bây giờ chúng ta đi đến hãng Gelder và Công ty, khu Stepney, đến tận xuất xứ của mấy pho tượng. Tôi tin là ở đây chúng ta sẽ biết được một điều gì đó giúp chúng ta điều tra vụ này.

Chúng tôi tìm ra cái xưởng tạc tượng ấy trên một con đường rộng chạy dọc bờ sông. Bên ngoài xưởng là một khoảng sân rộng ngổn ngang những sản phẩm bằng đá đủ loại, bên trong có một căn phòng lớn với năm mươi công nhân đang tạc tượng và đúc tượng theo khuôn. Chủ xưởng, một người Đức cao lớn, tiếp chúng tôi rất lịch sự và trả lời rõ ràng mọi câu hỏi của Holmes. Sổ sách cho thấy: xưởng ông đã sản xuất hàng trăm pho tượng bán thân Napoleon bằng thạch cao; tất cả đều được đúc ra từ một khuôn, dùng pho tượng cầm thạch của nhà điêu khắc Devine làm mẫu. Ba sản phẩm trong một lô hàng riêng gồm sáu pho tượng đã đem giao cho ông Morse Hudson khoảng một năm trước; số còn lại thì bán cho hiệu Harding Brothers, ở Kensington. Sáu pho tượng trong lô hàng đó chẳng có gì khác với những pho tượng còn lại. Ông không hình dung nổi vì lẽ gì lại có kẻ chỉ muốn đập vỡ những pho tượng ấy.

Trong thâm tâm ông thấy ý định đó quả thật nực cười. Mỗi pho tượng đều được đúc từ hai khuôn, khuôn này đúc nửa mặt bên phải, khuôn kia - nửa

bên trái; sau đó ghép hai nửa lại với nhau, thế là được một pho tượng hoàn chỉnh. Công việc này thường do mấy tay thợ người Ý đảm nhiệm, ngay tại phòng chúng tôi đang đứng. Làm xong họ đặt những sản phẩm đó lên cái bàn kê ngoài lối đi cho khô, sau đó cất vào kho. Đây là tất cả những gì ông có thể cho chúng tôi biết. Nhưng tấm ảnh đã gây cho ông chủ xưởng một ấn tượng mạnh mẽ. Ông đỏ mặt giận dữ.

- Vâng, thật sự tôi biết hẳn rất rõ, - ông hét to lên.- Từ trước đến giờ chỉ có một lần duy nhất cảnh sát đến xưởng tôi chính là vì thằng này đây. Chuyện đó xảy ra hơn một năm nay rồi: hẳn dùng dao đâm một tay người Ý khác ở ngoài phố rồi chạy bỏ vào xưởng tôi để trốn cảnh sát đang đuổi bắt phía sau. Hẳn bị tóm cổ ngay tại đây. Tên hẳn là Beppo. Tôi không hề biết họ của hẳn. Tuy thế hẳn là một tay thợ khá - một trong những tay giỏi nhất đây.

- Hẳn bị kết án gì?

- Người bị hẳn đâm không chết, cho nên người ta chỉ xử hẳn một năm tù ngồi. Tin tin rằng giờ hẳn đã được tự do, nhưng hẳn chẳng dám thò mặt về đây. Người em họ của hẳn đang làm việc ở chỗ tôi. Hy vọng anh ta có thể mách cho ông biết Beppo hiện ở đâu.

- Không, không, - Holmes kêu lên, - ông đừng nói gì với em họ của hẳn cả, tôi xin ông đừng nói gì! Việc này rất hệ trọng. Càng đi sâu vào tôi càng thấy nghiêm trọng. Trong cuốn sổ của ông tôi thấy ghi là những pho tượng đó được bán ngày ba tháng sáu năm ngoái. Ông có thể cho chúng tôi biết ngày Beppo bị bắt được không?

- Tôi có thể tính gần đúng dựa theo bản danh sách tính tiền công, chủ xưởng đáp lại. - Đúng, - ông lại lên tiếng sau một hồi lật tìm trong mớ giấy tờ, - hẳn được trả tiền công lần cuối vào ngày hai mươi tháng năm.

- Cảm ơn ông, Holmes nói. - Tôi nghĩ không nên làm mất thì giờ và lạm dụng lòng kiên nhẫn của ông nữa. Còn bây giờ, anh Watson, chúng ta quay về Kensington xem ông chủ hiệu Harding Brothers kể được những gì cho chúng ta về vụ này.

Ông Harding là một người nhỏ bé, nhanh nhẹn, tinh trí và nhanh miệng.

- Vâng, thưa ngài, tôi đã đọc được chuyện này trên các báo buổi chiều. Ông Horace Harker là một trong những khách hàng của chúng tôi. Chúng tôi bán cho ông ấy pho tượng nọ cách đây mấy tháng. Ba pho tượng loại này chúng tôi đã đặt mua tại hãng Gelder và Công ty, ở Stepney và đã bán hết. Bán cho ai ư? Để tôi xem sổ sách bán hàng và trả lời ngài ngay thôi. Đúng, trong này có ghi đầy đủ. Một pho bán cho ông Harker, ông thấy đấy, một pho nữa bán cho ông Josiah Brown ở Biệt thự Laburnum, Laburnum Vale, Chiswick và pho thứ ba bán cho ông Sandeford ở Hạ Grove, Reading. Không, tôi chưa bao giờ thấy người đàn ông trong bức ảnh ngài đưa tôi xem. Trong hiệu tôi có nhân viên nào người Ý không ư? Thưa ngài, có, có mấy người tôi thuê làm công và quét dọn. Bọn họ có thể liếc nhìn quyển sổ bán hàng này nếu thích. Chẳng có lý do gì đặc biệt để giữ bí mật cả. Chà, vụ này quả là kỳ lạ. Tôi hy vọng ông sẽ cho tôi biết những gì ông phát hiện được.

Holmes ghi chép vài điềm. Tôi thấy anh đặc ý ra mặt. Nhưng anh chẳng giải thích gì, chỉ giục tôi nhanh chân kéo trẻ hện với Lestrade. Quả nhiên, khi chúng tôi về đến phố Baker, viên thanh tra đã đợi sẵn ở đấy và đang đi đi lại lại, vẻ sốt ruột.

- Công việc thế nào rồi, ông Holmes? - ông ta lên tiếng hỏi.

- Chúng tôi đã bận rộn suốt ngày và thật là không uổng công chút nào - bạn tôi giải thích - Giờ tôi có thể lần theo dấu vết của từng pho tượng từ lúc mới được đúc trong khuôn ra.

- Các pho tượng à! - Lestrade thốt lên. - Thôi được, thôi được, ông Holmes, ông có phương pháp của riêng ông, song tôi cho là ngày vừa qua tôi khám phá được nhiều điều hơn ông. Tôi đã xác minh được người bị giết là ai và tìm ra nguyên nhân gây án.

- Tuyệt vời.

- Ngài thanh tra Hill, người chuyên theo dõi kiều dân Ý sống tại khu phố Italia, vừa trông thấy đã nhận ngay ra hắn. Hắn tên là Pietro Venucci, quê ở Napoli, là một trong những tay đâm thuê chém mướn sừng sỏ nhất London. Hắn có liên hệ với bọn Mafia, như ông biết đấy, một tổ chức chính trị bí mật. Giờ ông thấy đấy, vụ này bắt đầu sáng tỏ. Kẻ giết hắn có lẽ cũng người Ý và

là thành viên Mafia. Tay này chắc đã vi phạm luật lệ như thế nào đó. Pietro rình tìm hắn. Tám ảnh ta tìm thấy trong túi áo hắn có lẽ là của chính tay này, hắn mang theo để không giết nhầm người khác. Hắn theo dõi địch thủ, khi thấy tên này lên vào nhà, hắn đứng ngoài đợi tên này trở ra và trong cuộc ẩu đả với địch thủ hắn đã bị tử thương. Ông nghĩ thế nào về điều này, ông Holmes?

Holmes vỗ tay tán đồng.

- Tuyệt, ông Lestrade, thật là tuyệt! - anh thốt lên. - Nhưng tôi chưa rõ ông lý giải như thế nào việc mấy pho tượng bị đập nát.

- Lại mấy pho tượng! Ông không gạt bỏ được mấy pho tượng ấy ra khỏi đầu sao. Rất cục, đây chỉ là chuyện vớ vẩn. Chính vụ án mạng mới là cái chúng ta thật sự quan tâm, và tôi có thể nói với ông là tôi đã nắm được mọi đầu mối.

- Thế bước tiếp theo ông định làm gì?

- Hết sức đơn giản. Tôi cùng ngài Hill đến khu phố Italia, tìm cho ra tên trong ảnh nọ và bắt hắn vì tội giết người. Ông cùng đi với chúng tôi chứ?

- Có lẽ không đâu. Tôi có cách đơn giản hơn nhiều. Tôi rất mong đêm nay ông cùng đi với chúng tôi, tôi có thể sẽ giúp ông bắt được hắn.

- Ở khu phố Italia ư?

- Không. Theo tôi, tìm bắt hắn ở Chiswick là chắc hơn cả.

- Ông Lestrade, nếu đêm nay ông đi cùng tôi đến Chiswick thì tôi hứa ngày mai sẽ đi với ông đến khu phố Italia. Hoãn lại một tí đâu có hại gì. Anh Watson, trong lúc chờ đợi, anh làm ơn bấm chuông gọi giúp người đưa thư vì tôi muốn gửi gấp một bức thư rất hệ trọng.

Tối hôm đó Holmes lục tìm các chồng nhật báo cũ chất đầy ắp cả một phòng trong nếp nhà hai chúng tôi đang ở. Cuối cùng rồi anh cũng ra với chúng tôi, mặt rạng rỡ vẻ đắc thắng, nhưng anh chẳng hé răng nói gì với cả tôi lẫn viên thanh tra về những kết quả vừa khám phá. Tôi đã theo sát anh từng bước chân trong suốt tiến trình điều tra vụ này. Vì vậy, tuy chưa thể biết rõ mục

tiêu cuối cùng chúng tôi đang theo đuổi, tôi vẫn hiểu mười mười rằng Holmes hy vọng sẽ tóm được tên tội phạm đang cố tìm mọi cách đoạt hai pho tượng còn lại, mà một, theo tôi nhớ, hiện đang nằm tại Chiswick. Không còn ngờ vực gì nữa, mục đích chuyến đi của chúng tôi đêm nay là bắt quả tang hắn ta. Tôi chẳng ngạc nhiên khi Holmes nhắc tôi nên mang theo cả khẩu súng ngắn ưa thích của tôi.

Mười một giờ, một chiếc xe ngựa đã đậu trước cổng nhà. Chúng tôi lên xe, đến một nơi nằm bên kia cầu Hammer Smith. Sau một quãng đi bộ, chúng tôi đã đến một con đường yên tĩnh với những tòa nhà đẹp mắt, xây trên từng khoảng đất riêng, cách biệt nhau.

Nhờ ánh đèn đường, tôi đọc được hai chữ Laburnum Lodge trên cổng hậu một tòa nhà. Chủ nhân chắc hẳn đã đi nghỉ, vì toàn bộ ngôi nhà đang chìm trong bóng tối, ngoại trừ một khung cửa sổ ngay bên trên cửa chính dẫn vào tiền sảnh, hắt một quãng sáng lẻ loi xuống một lối đi trong vườn. Một dây rào gỗ ngăn khu vườn với đường phố, hắt một dải bóng tối dày đặc vào phía trong. Chúng tôi chọn đó làm nơi ẩn nấp.

- Tôi e là anh sẽ phải đợi lâu đây, - Holmes ri tai tôi.

- Nhưng tôi dám đánh cược hai ăn một là chúng ta sẽ được đèn bù xúng đang cho những nỗi vất vả mà chúng ta đã trải qua.

Nhưng hóa ra chúng tôi chẳng phải đợi lâu như Holmes đã nghĩ, và kết cục thật bất ngờ và kỳ lạ. Thành linh, không có một tiếng động nào báo trước, cảnh cổng vườn bật mở, và một bóng đen nhanh nhẹn, khéo léo chạy vọt vào theo lối mòn trong vườn. Chúng tôi thấy cái bóng đó lướt qua cái quãng sáng trên cửa sổ hắt xuống cửa chính, và biến mất vào bóng tối của tòa nhà. Bốn bề im ắng khá lâu. Chúng tôi nín thở chờ đợi, rồi một tiếng động khẽ vọng tới: cánh cửa sổ mở ra. Tiếp đó, không còn nghe một tiếng động nào nữa, và tất cả lại lặng ngắt một hồi lâu. Bóng đen nọ lén vào nhà. Bỗng chúng tôi thấy một ánh đèn lóe sáng trong phòng. Cái hấn tìm chắc không có ở đó, vì chúng tôi lại thấy ánh đèn lóe sáng tại một chỗ khác, rồi một chỗ khác nữa.

- Nào, chúng ta hãy tới cửa sổ để ngó. Chúng ta sẽ tóm hắn lúc hắn leo ra, - Lestrade khẽ nói.

Nhưng chúng tôi chưa kịp tới nơi dự tính thì gã nọ đã xuất hiện. Khi hấn ra đến quảng sáng, chúng tôi thấy hấn đang cắp trong nách một vật màu trắng. Hấn đưa mắt nhìn quanh. Quay lưng về phía chúng tôi, hấn đặt vật đang cắp dưới nách xuống, và ngay sau đó, bỗng vang lên một tiếng đập mạch, rồi tiếp theo là những tiếng lại xạo. Hấn mãi miết với việc đang làm đến mức không nghe thấy tiếng bước chân chúng tôi lướt trên mặt cỏ. Holmes nhảy chồm lên lưng hấn như một con hổ, và chỉ một chớp mắt sau, Lestrade và tôi đã tóm lấy cổ tay hấn. Khi chúng tôi lật ngửa hấn lại, tôi thấy hấn đang nhìn chúng tôi một cách hần học. Và tôi nhận ra kẻ bị bắt chẳng phải ai khác, mà chính là người đàn ông trong ảnh.

Nhưng Holmes chẳng hề quan tâm đến kẻ bị bắt. Anh chỉ chăm chú xem pho tượng Napoleon mà gã nọ vừa lấy trộm trong nhà ra. Pho này cũng giống như pho mà chúng tôi thấy sáng nay, và cũng đã bị đập vụn từng mảnh. Thận trọng, Holmes đưa từng mảnh vỡ ra chỗ sáng xem xét, nhưng những mảnh thạch cao đó xem ra chẳng khác gì nhau. Anh vừa xem xong thì ánh đèn trong tiền sảnh bỗng sáng rực. Cửa mở, và từ trong nhà bước ra một người đàn ông vui vẻ, ăn mặc tề chỉnh, tự giới thiệu mình là chủ nhà.

- Ông chắc hấn là ông Josiah Brown? - Holmes nói.

- Vâng, thưa ngài. Còn ngài chắc hấn là ngài Holmes? Tôi đã nhận được thư ngài do người đưa thư chuyên tới, và tôi đã làm đúng như lời ngài dặn trong thư. Chúng tôi đã khóa chặt các cửa phòng và đợi mọi diễn biến. Tôi rất mừng là ngài đã tóm được hấn. Tôi hy vọng các ngài sẽ quá bộ vào nhà nghỉ một lát trước lúc ra về.

Nhưng Lestrade sốt ruột, chỉ muốn đưa gấp tên trộm về đồn cho chắc ăn, nên chỉ vài phút sau, ba chúng tôi và tên trộm đã yên vị trên xe về lại London. Tên trộm không hề hé răng thốt ra một lời nào, mà chỉ hần học nhìn chúng tôi từ sau mái tóc rũ xuống trán. Có một lần, khi tay tôi nằm trong tầm với, hấn vụt cúi xuống định ngoạm. Chúng tôi lưu lại đồn cảnh sát khá lâu để chờ kết quả khám xét người hấn, nhưng chẳng tìm thêm được gì ngoài một vài đồng xu trong túi và một con dao dài, trên cần còn nguyên vết máu chưa kịp xỉn lại.

- Thôi ổn rồi, - Lestrade nói khi chia tay chúng tôi. - Ngài Hill biết mặt tất cả các kiều dân khu này, nên sẽ cho chúng ta biết họ tên hắn. Ông sẽ thấy giả thuyết của tôi về bọn Mafia là chính xác một trăm phần trăm. Dù sao tôi cũng biết ơn ông đã mách giúp tôi cách tóm cổ hắn. Có điều, tôi vẫn chưa hiểu hết làm thế nào mà ông biết nơi hắn sẽ xuất đầu lộ diện.

- Tôi e rằng muốn giải thích phải đợi dịp khác, vì bây giờ đã khuya quá rồi, - Holmes nói. - Hơn nữa, vẫn còn một vài tình tiết tôi chưa khám phá ra, và đây là một trong những vụ đáng để chúng ta thực hiện đến nơi đến chốn. Nếu ngày mai, ông chịu khó ghé lại nhà tôi vào lúc sáu giờ, tôi nghĩ tôi có thể cho ông thấy: cho tới lúc này ông vẫn chưa hiểu hết điểm mấu chốt của vụ này. Đó mới chính là những điểm khiến vụ này là vụ án độc đáo nhất lịch sử tội phạm.

Tối hôm sau, khi gặp lại nhau, Lestrade đã cho chúng tôi biết hàng loạt thông tin về kẻ bị bắt. Hóa ra tên hắn là Beppo, còn họ thì không rõ. Có thời, hắn từng là thợ đúc tượng giỏi, làm ăn lương thiện. Nhưng về sau hắn đã gây nên những vụ phạm pháp. Hắn từng hai lần ngồi tù, một lần vì ăn cắp vặt, lần sau thì như các ông đã biết, vì tội đâm trọng thương một đồng bào của hắn. Hắn rất thạo tiếng Anh. Nhưng lý do nào khiến hắn đập nát những pho tượng thì chưa rõ: hắn không chịu trả lời bất cứ câu hỏi nào về chuyện này. Cảnh sát đã phát hiện được rằng những pho tượng mà hắn đập nát có thể đều do chính tay hắn làm ra, vì hắn từng làm loại công việc này tại hãng Gelder và Công ty. Tất cả những thông tin này, phần nhiều chúng tôi đều biết cả rồi, nhưng Holmes vẫn lịch duyệt lắng nghe; có điều tôi vốn biết rõ anh, nên tôi hiểu rằng ý nghĩ anh đang đổ dồn vào một chuyện khác. Bỗng anh đứng bật dậy, mắt sáng rực khi nghe vang lên tiếng chuông gọi cửa dưới nhà. Một phút sau, có tiếng chân bước lên cầu thang, rồi một người đàn ông đứng tuổi, mặt đỏ gay, bước vào, tay phải xách theo một cái túi. Ông ta đặt cái túi lên bàn, rồi lên tiếng:

- Đây có phải là nhà ngài Holmes không?

Bạn tôi mỉm cười cúi chào.

- Nếu tôi không nhầm, ông là Sandeford ở Reading? - anh lên tiếng.

- Vâng, thưa ngài, có lẽ tôi đến hơi muộn, nhưng không có chuyến tàu nào thuận tiện hơn. Trong thư ông có yêu cầu tôi nhượng lại pho tượng bán thân mà tôi đang sở hữu.

- Quả đúng như vậy.

- Tôi có đem theo thư ông đây. Ông viết: "Tôi muốn có một bản sao pho tượng bán thân Napoleon do Devine tạc và tôi sẵn sàng trả mười bảng để mua lại pho tượng ông hiệu sở hữu." Có đúng vậy không ạ?

- Chính thế.

- Tôi rất ngạc nhiên khi đọc thư ông, vì tôi không thể hình dung được nhờ đâu mà ông biết được tôi có pho tượng như thế.

- Ông ngạc nhiên là phải thôi, nhưng chuyện này có thể giải thích hết sức đơn giản. Ông Harding, chủ hiệu Harding Brothers nói là đã bán phúc bản cuối cùng của pho tượng cho ông, và có cho tôi biết địa chỉ của ông.

- Thì ra là vậy. Thế thì tôi có mang theo pho tượng như ông đã yêu cầu. Nó đây này! - Ông ta đã mở túi xách và mãi lúc này chúng tôi mới được thấy trên bàn chúng tôi một pho tượng nguyên vẹn, chứ từ trước đến giờ chúng tôi chỉ toàn thấy những mảnh vụn.

Holmes rút trong túi ra một tờ giấy và đặt lên bàn tờ giấy bạc mười bảng.

- Ông Sandeford, ông làm ơn ký vào tờ giấy này trước sự chứng kiến của các vị đây. Trong giấy xác nhận rằng ông chuyển nhượng cho tôi mọi quyền lợi có thể có đối với pho tượng. Cám ơn ông Sandeford. Đây, xin ông nhận lấy tiền và chúc ông một buổi tối tốt lành.

Khi vị khách đã đi khuất, Holmes liền lôi trong ngăn kéo ra một tấm vải trắng tinh và trải lên bàn. Rồi anh đặt pho tượng vừa mua vào chính giữa tấm vải. Xong xuôi, anh giờ cao gậy, giáng một cái thật mạnh vào đỉnh đầu Napoleon. Pho tượng vỡ vụn ra từng mảnh. Holmes háo hức cúi xuống xem xét các mảnh vỡ. Lát sau, anh reo lên đắc thắng và giờ cao một mẫu thạch cao bọc bên ngoài một vật tròn tròn sẫm màu.

- Thưa các vị, anh reo lên - xin được giới thiệu với các vị viên ngọc đen nổi

tiếng của dòng họ Borgias.

Lestrade và tôi ngồi lặng người đi một lúc, rồi cả hai cùng vỗ tay hết như vừa xem xong một vở kịch. Má Holmes vốn tái nhợt giờ vụt ửng hồng. Anh cúi chào chúng tôi như một diễn viên bậc thầy đáp lại lòng ngưỡng mộ của khán giả. Chỉ trong những khoảnh khắc đó Holmes mới tỏ ra là một nhân viên rất người, rất thích được ngưỡng mộ và thán phục, chứ không phải là một cái máy giỏi suy luận.

- Vâng, thưa các ngài, - anh nói- đây chính là viên ngọc lòng danh Thế giới. Tôi đã có cái may mắn được theo dõi hành trình của viên ngọc quý từ phòng ngủ của Quận công xứ Colonna trong khách sạn Darce, nơi nó bị mất, cho tới khi nó chui vào pho tượng cuối cùng trong số sau pho Napoleon do hãng Gelder và Công ty tại Stepney đúc ra. Ông Lestrade, chắc ông còn nhớ vụ scandal nổ ra sau ngày viên ngọc quý này mất tích, và những nỗ lực tìm kiếm vô vọng của cảnh sát London. Chính tôi cũng được mời đến làm cố vấn cho họ trong vụ này, nhưng tôi đã không làm sáng tỏ được gì. Người ta nghi cho cô hầu gái của Quận chúa.

Cô này người Ý, và người ta cũng phát hiện ra rằng cô ta có một người anh ở London, nhưng chúng tôi không tìm ra được bất cứ một mối liên hệ nào giữa hai người. Cô ta tên là Lucretia Venucci, và tôi tin chắc rằng chính gã Pietro bị giết cách đây hai hôm là anh cô ta. Tôi dò tìm ngày tháng trong đồng báo cũ và thấy rằng viên ngọc bị mất đúng hai ngày trước hôm Beppo bị bắt vì tội mưu sát. Hắn bị bắt ngay tại xưởng Gelder và Công ty đúng vào thời điểm những pho tượng kia đúc ra. Beppo đang giữ viên ngọc. Có thể hắn đánh cắp của Pietro, hoặc hắn là tông phạm của Pietro, hoặc hắn làm trung gian giữa Pietro và em gái hắn ta. Thực ra khả năng nào là đúng, đối với chúng ta không hề trọng. Cái chính là hắn có viên ngọc và đang giữ viên ngọc trong người lúc bị cảnh sát truy đuổi. Hắn đến cái xưởng làm tượng mà hắn đang làm việc, và hắn biết mình chỉ còn vài phút để giấu cái báu vật vô giá ấy, nếu không cảnh sát sẽ tìm thấy nó khi khám xét người hắn. Lúc sáu pho tượng Napoleon bằng thạch cao đang hong ở lối đi, trong đó có một pho còn mềm. Vốn là một tay thợ giỏi, trong chớp mắt Beppo đã tạo được một cái hốc nhỏ, ấn viên ngọc vào đó, rồi với vài động tác hắn đã có thể trảm

ngay được cái hốc kia. Quả không còn một nơi cất giấu nào tốt hơn. Không một ai có thể tìm ra viên ngọc được nữa. Nhưng Beppo bị kết án một năm tù, và trong thời gian đó sáu pho tượng kia được bán đi khắp London. Ra tù, hắn không thể biết báu vật nọ hiện nằm trong pho tượng nào. Bây giờ chỉ còn cách đập vỡ từng pho một mới biết được vì dù có lắc mạnh viên ngọc cũng không gây được tiếng động nào: khi thạch cao còn ướt, viên ngọc có thể bị dính chặt ở bên trong, và sự thực quả đúng như vậy. Nhưng Beppo không nản lòng. Hắn thực hiện một cuộc tìm kiếm thật tài tình. Qua người em họ làm cho Gelder, hắn biết được những pho tượng ấy đã được bán cho hãng nào. Hắn cố xin một chân ở hiệu Morse Hudsson và nhờ đó đã lần ra được dấu tích của ba pho. Tiếc thay trong cả ba pho ấy đều không thấy có viên ngọc. Sau đó, nhờ một nhân viên người ý, hắn đã dò ra được ba pho còn lại hiện ở đâu. Pho thứ nhất ở nhà ông Harker. Tại đây Beppo bị Pietro theo dõi. Tên này vốn coi hắn như kẻ chịu trách nhiệm về vụ mất viên ngọc, Beppo đã hạ sát tên này trong trận đấu đả sau đó.

- Nếu chúng đồng lõa với nhau thì tại sao Pietro lại phải mang theo tấm ảnh?
- tôi hỏi.

- Đó là một phương tiện để hỏi dò người khác xem họ có nhận ra người trong ảnh không. Lý do chỉ có vậy. Sau khi gây án mạng, tôi đoán chắc Beppo nhất định phải hành động khẩn trương hơn, chứ không thể chần chừ. Hắn sợ cảnh sát khám phá được điều bí mật của hắn, nên hắn phải làm gấp trước khi bị cảnh sát biết. Tất nhiên ở thời điểm đó, tôi chưa thể nói rằng hắn không tìm thấy viên ngọc. Tôi cũng chưa thể kết luận đích xác rằng hắn đang tìm viên ngọc. Nhưng tôi biết chắc rằng hắn đang tìm một vật gì đó, vì hắn phải mang pho tượng qua mấy nhà liền để tìm một chỗ nào đó có ánh đèn. Bây giờ chỉ còn hai pho, nên dĩ nhiên hắn phải tìm pho ở London trước tiên. Vì thế tôi phải báo trước với chủ nhà để tránh một thảm kịch thứ hai. Và ở đó chúng ta đã thu được kết quả mỹ mãn nhất. Lúc này, dĩ nhiên, tôi đã biết chắc cái mà chúng ta đang theo đuổi chính là viên ngọc Bor

Chương 3 - Ngôi nhà bỏ trống

Vào mùa xuân năm 1894, cả thành phố London đều bàn tán xôn xao về vụ ám sát tử tước Ronald Adair trẻ tuổi. Vụ ám sát xảy ra trong một bối cảnh khác thường và đầy bí ẩn. Đông đảo công chúng đều biết đến những tình tiết của vụ án, theo cách đánh giá chủ quan của cảnh sát. Nhưng vì lý do nào đó, phần lớn những tình tiết phải giấu kín. Mười năm trôi qua, hiện giờ tôi mới có khả năng bổ sung thêm những mắt xích còn thiếu trong chuỗi sự kiện đầy bí ẩn kia. Bản thân vụ án đã là một điều lý thú; nhưng những hậu quả không lường trước được đối với tôi còn quan trọng hơn gấp nghìn lần. Nhưng hậu quả này, làm cho tôi bàng hoàng, chấn động hơn tất cả những gì mà tôi từng gặp trong đời mình; dù cuộc đời của tôi nếu không có sự kiện ấy thì cũng đã chứng kiến nhiều cuộc trình thám ly kỳ.

Thậm chí ngay bây giờ, sau nhiều năm, tôi vẫn còn cảm giác run sợ, khi nghĩ lại câu chuyện xa xưa, và tôi vẫn bị một nỗi hoài nghi, thảng thốt, vui buồn lẫn lộn bao trùm và xâm chiếm toàn bộ tâm hồn. Tôi mong các bạn độc giả, vẫn thường quan tâm tới những mẩu chuyện của tôi về những việc làm và những suy luận của một con người tuyệt vời hãy tha thứ cho tôi, vì việc tôi không chia sẻ với các bạn điều khám phá của mình. Tôi tự đặt cho mình một nghĩa vụ là phải báo cho các bạn tất cả sự thật, một khi tôi không còn bị ràng buộc bởi chuyện cảm đoán xuất phát từ chính ý muốn của bạn tôi. Câu chuyện ngăn cấm được phát ra cũng vừa mới đây, ngày mùng ba tháng trước.

Trong thời gian tôi và Sherlock Holmes còn gắn bó mật thiết với nhau tôi đã quan tâm một cách sâu sắc tới những chuyện hình sự. Kể từ khi anh biệt tăm mất tích, tôi trở thành kẻ thường xuyên theo dõi trên các báo chí tất cả các vụ án chưa được khám phá. Đôi lúc, để thỏa mãn tính hiếu kỳ, tôi đã có ý định tham gia vào chuyện phá án, tôi sử dụng những phương pháp, thủ thuật như của bạn tôi thường làm, mặc dù con lâu tôi mới đạt được trình độ ấy.

Tuy thế, không có vụ án nào lại làm cho tôi hồi hộp, lo âu bằng câu chuyện tang thương của Ronald Adair. Trong số tài liệu điều tra, có đoạn nói thế này: "Vụ ám sát đã được tính toán từ trước và do một người hoặc một nhóm

người lạ thực hiện". Sau khi đọc xong lời nhận xét như vậy, tôi càng thấy thấm thía hơn bao giờ hết rằng cái chết của Sherlock Holmes đã gây cho Tổ quốc chúng ta một tổn thất to lớn biết nhường nào. Trong chuyện này, nhất thiết phải có những tình tiết làm cho Sherlock Holmes chú ý; và như vậy hoạt động của cảnh sát sẽ được bổ sung đầy đủ và đạt kết quả hơn nếu như họ có sự giúp sức của bộ óc thông minh và đôi mắt quan sát tinh tế của nhà thám tử sành sỏi nhất Châu Âu này.

Sau khi đi thăm bệnh nhân cả ngày về, tôi lại tập trung vào những suy nghĩ làm tôi nhức đầu, đó là câu chuyện của Adair, nhưng tôi không thể nào tìm ra được một lời giải đáp thỏa đáng. Tôi đánh bạo lặp lại những gì mà mọi người đã biết, tôi cũng muốn nêu lên những dữ kiện theo dạng đã được thông báo cho công chúng biết, sau khi kết thúc cuộc điều tra.

Tử tước Ronald Adair là con trai thứ hai của bá tước Maynooth - tổng đốc toàn quyền một khu vực thuộc địa của người Anh ở Úc. Người mẹ của Adair đã từ Úc đến nước Anh để giải phẫu mắt, cắt bỏ cái vây mọc ở mắt; và đã cùng cậu con trai Adair và cô con gái Hilda sống ở Park Lane, số nhà 427. Chàng thanh niên thường giao du với những người tốt, và hình như không có địch thủ nào; cũng chưa làm gì đáng chê trách. Đã có thời chàng đã đính hôn với tiểu thư Edith Woodley ở Carstairs, nhưng trước khi xảy ra vụ án mạng vài tháng thì cả chú rể lẫn cô dâu đã quyết định chia tay nhau: không ai hối hận về chuyện này cả. Nói chung, cuộc đời của chàng thanh niên trai trẻ chỉ bó hẹp trong quan hệ gia đình và trong giới thượng lưu. Tính tình anh ta điềm đạm, thói quen và sở thích không có gì xấu. Thế nhưng một cõi chết bất ngờ nhất và kỳ lạ nhất đã chộp đi một nhà quý tộc trẻ vô tư chuyện đó xảy ra vào khoảng 22 giờ đến 23 giờ 20 phút ngày 30 tháng 3 năm 1894.

Ronald Adair là một người thích cờ bạc, nhưng chưa bao giờ tỏ ra vượt quá giới hạn. Anh ta là thành viên của ba câu lạc bộ - Baldwin, Cavendish và Bagatelle. Người ta đã điều tra và xác định rằng, trong ngày bị giết, sau bữa cơm chiều, Ronald đã chơi một ván bài ở câu lạc bộ Bagatelle. Thậm chí, trước bữa cơm chiều anh ta cũng có chơi ở đấy rồi. Những người cùng chơi với anh ta là: ông Murray; ngài John Hardy và đại tá Moran. Adair bị thua mất 5 bảng. Gia tài của anh ta khá lớn, nên việc thua bạc như vậy không

làm cho anh ta bận tâm chút nào. Anh ta hầu như ngày nào cũng chơi và thường là được bạc.

Những lời khai của các nhân chứng đã làm sáng tỏ thêm một chuyện. Là khoảng một tháng rưỡi trước khi bị giết, Adair cùng chơi với ngài đại tá Moran, một buổi tối đã ăn của ông Godfrey Milner và huân tước Balmoral 420 bảng. Đây là tất cả những gì biết được về những tuần cuối cùng của đời anh ta.

Vào buổi tối bất hạnh đó, anh ta từ câu lạc bộ trở về nhà đúng 22 giờ đêm. Mẹ và em gái anh ta đi vắng: họ đi thăm người quen chưa về. Người hầu gái thề rằng, cô ta đã nghe thấy anh ta bước vào phòng của mình. Căn phòng ấy nằm trên tầng hai, cửa sổ hướng ra đường phố, anh dùng làm phòng tiếp khách. Trước khi chàng quý tộc trẻ tuổi về, người hầu gái vừa nhóm lò sưởi xong, lò sưởi vẫn còn bốc khói nghi ngút, cô ta phải mở toang các cửa sổ để thoáng khói. Trước 23 giờ 20 phút không hề nghe một động tĩnh nào phát ra từ căn phòng của bá tước. Lúc ấy bà Maynooth và cô con con gái về đến nhà. Bà Maynooth muốn ghé lại chỗ cậu con trai để chúc cậu ngủ ngon, nhưng cánh cửa phòng đã được khóa chặt bên trong; mặc cho người ta gào thét, đập cửa, không một ai lên tiếng. Thấy vậy người mẹ hô hoán lên, bắt người nhà phải phá cửa. Chàng thanh niên xấu số đang nằm gục dưới sàn nhà, ngay cạnh chiếc bàn. Đầu anh ta bị một viên đạn súng lục bắn thủng, trông thật khủng khiếp. Nhưng rất kỳ lạ là trong phòng không thấy một thứ vũ khí nào hết. Trên bàn có 2 tờ ngân phiếu trị giá 10 bảng và 17 bảng với 10 pence[1], bằng bạc có, bằng vàng có. Những đồng bạc được xếp thành từng chồng nhỏ với từng loại giá trị khác nhau. Bên cạnh những đồng bạc là một tờ giấy có ghi những con số và ngang hàng với những con số đó là tên những người bạn cùng câu lạc bộ của Adair. Từ dữ kiện này có thể rút ra một nhận xét: Trước khi chết, chàng trai đã tính toán những ván thua, thắng bạc của mình.

Sau khi nghiên cứu kỹ các dữ kiện, công việc càng trở nên rối rắm, mù mịt hơn. Một điều làm chúng ta khó hiểu: vì sao chàng trai phải khóa chặt cửa từ bên trong? Thực ra kẻ giết người cũng có thể khóa cửa, rồi trèo qua cửa sổ để tẩu thoát. Nhưng dưới những cánh cửa sổ là những bồn hoa hồng lại

không hề bị dẫm nát; hơn nữa từ cửa sổ đến mặt đất phải đến 20 feet. Không một cây hoa nào bị giầy xéo, làm nát. Ngay cả lớp đất giữa nhà và con đường cũng không hề có một dấu vết nào. Rõ ràng là chính Adair đã tự tay khóa cửa. Nhưng sao cái chết lại đột ngột dội vào đầu anh ta? Cứ giả thiết rằng tên sát nhân đã bắn qua cửa sổ, thì đó phải là một phát súng rất đặc biệt, vì chỉ bằng một viên đạn súng lục đã giết chết chàng trai ngay lập tức với một khoảng cách quá xa như vậy thì đâu phải chuyện dễ dàng? Hơn nữa, Park Lane là một đường phố nhộn nhịp, đông người qua lại; cách nhà 100 yards có một trạm xe ngựa. Không một người nào nghe thấy tiếng súng nổ. Vậy mà, có một người bị ám hại nằm xuống chỉ với một viên đạn súng lục bắn xuyên thủng đầu? Xét theo vết thương thì chính viên đạn kia là nguyên nhân gây ra tử vong. Bối cảnh vụ án đầy bí ẩn ở Park Lane là như vậy! Một vụ giết người có ẩn số đầy bí hiểm bởi thiếu hoàn toàn những nguyên do xác đáng, logic. Anh bạn trẻ Adair không hề có địch thủ, còn tiền nong cũng như giấy tờ quý giá khác thì không hề suy suyển.

Suốt ngày tôi suy đi, nghĩ lại trong óc tất cả những dữ kiện ấy, với tham vọng cố đặt ra cho nó một giả thiết có phần nào phù hợp và đủ sức thuyết phục.

Tôi cố gắng tìm ra "điểm ít khả năng bị bác bỏ nhất" điều mà người bạn xấu số của tôi luôn luôn lấy làm kim chỉ nam cho các công cuộc khám phá. Tôi thành thật thú nhận mình hoàn toàn không đạt được ý đồ đó. Buổi chiều tôi thơ thẩn, lang thang trong công viên: khoảng 18 giờ, bỗng dưng tôi đi đến góc phố giữa đường Park Lane và đường Oxford không hề có ý định trước. Tôi thấy một nhóm người vô công rồi nghề đang tùm năm tùm ba, nhòm ngó vào một chiếc cửa sổ ngôi nhà đã xảy ra vụ án mạng đầy bí ẩn. Một gã đàn ông cao, gầy đeo kính râm to, - tôi nghĩ chắc là một thám tử giả dạng, - đang thử nêu một giả thiết về án mạng, những người tò mò bao quanh ông ta chật cứng, chăm chú lắng nghe. Tôi cũng định xán lại, nhưng khi nghe loáng thoáng những nhận định, phán đoán ngu xuẩn, tôi có cảm giác kinh tởm và thối lui. Vô tình tôi đụng phải một ông già gù lưng đứng phía sau, mấy cuốn sách mà ông ta đang kẹp nách bị rơi ra. Trong lúc cúi xuống nhặt giúp mấy cuốn sách cho ông lão, tôi chợt đọc thấy một tên sách "Sự ra đời và việc

sùng bái cỏ cây". Tôi thoáng nghĩ: thật là một con mọt sách tội

NGHIỆP; chắc vì để kiếm sống, hoặc vì yêu thích nghệ thuật, nên đã cố sưu tầm những cuốn sách quý hiếm. Tôi định nói vài câu xin lỗi cho sự vô tình của mình đã làm rơi những vật mà chủ nhân của nó nâng niu, trân trọng; nhưng ông già càu nhàu, tức tối và khinh khỉnh quay đi. Chỉ một loáng cái lưng gù gù và bộ râu quai nón bạc trắng của ông đã lẫn vào đám đông.

Những quan sát ở ngôi nhà 427 phố Park Lane đã giúp tôi được chút ít trong công việc khám phá lời giải đáp mà tôi quan tâm. Ngôi nhà được ngăn cách với đường phố bằng một bức tường thấp, trên tường có chằng dây thép. Dây thép cao chưa đến 5 feet. Mọi người dễ dàng lọt được vào vườn. Nhưng trèo lên cửa sổ thì khó thực hiện được, vì không có ống thoát nước, không hề có một cái gờ nào nhô ra, cho nên ngay cả một nhà thể thao điều luyện nhất cũng không thể trèo lên theo bức tường được.

Càng thấy mơ hồ hơn, tôi quay về phố Kensington để về nhà. Tôi bước vào phòng mình chưa đầy 5 phút thì người hầu gái đã báo với tôi là có một người khách muốn gặp tôi. Tôi thật sửng sốt và ngạc nhiên, vì đó không phải ai xa lạ, mà chính là ông già gù gù, thích sưu tầm sách quý tôi gặp lúc chiều. Bộ tóc bạc phau, tràm gằn kín khuôn mặt nhăn nheo, nhọn hoắt của ông. Ông kẹp ở nách có đến một tá những cuốn sách loại quý:

- Chắc ngài rất ngạc nhiên vì sự có mặt của tôi? - Ông ta hỏi với giọng the thé rất kì dị.

Tôi thú nhận là ông ta đoán đúng.

- Ngài thấy không, tôi là một người lịch sự. Tôi lững thững đi theo con đường mà ngài đi, tôi chợt thấy ngài bước vào ngôi nhà này. Tôi tự nhủ với mình là cần ghé lại gặp con người lịch thiệp kia để xin lỗi. Nếu tôi có thô thiển lỗ bịch với ngài, thì thú thật tôi cũng không có ý định làm cho ngài bực dọc. Tôi mang ơn ngài rất nhiều, vì ngài đã hạ cổ cúi nhặt giúp tôi những cuốn sách.

- Chuyện nhỏ nhặt ấy, không nên bận tâm làm gì, - Tôi đáp. - Ngài cho phép tôi được hỏi, làm sao ngài biết được tôi là người như thế nào?

- Tôi cũng xin mạnh dạn nói với ngài rằng là hàng xóm láng giềng với ngài. Tiệm sách bé nhỏ của tôi nằm ở góc phố Church, tôi rất hân hạnh nếu được ngài ghé lại chơi. Có lẽ ngài cũng là người ham mê sách? Tôi xin giới thiệu với ngài đây là cuốn "Những giống chim ở Anh", "Catullus", "Cuộc chiến tranh thần thánh". Ngài mua đi, tôi sẵn sàng bán giá rẻ. Năm tập này, vừa vặn đủ lấp kín chỗ trống ở ngăn thứ hai tủ sách của ngài. Tôi thấy hình như giá sách của ngài không được đẹp mắt lắm thì phải, thưa ngài?

Tôi ngoái cổ để nhìn lại giá sách, khi quay lại thì tôi không thể tin ở mắt mình được nữa: Sherlock Holmes đang đứng ngay bên chiếc bàn của tôi và đang cười. Tôi khuyu xuống vài giây. Tôi ngơ ngác nhìn anh, và sau đó thì, có lẽ đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, tôi đã bị ngất.

Tôi chỉ mang máng nhớ là có một đám mây xám đang nhập nhoà trước mắt. Khi đám mây tan biến đi, tôi thấy cổ áo của mình bị mở phanh ra và tôi ngửi thấy thoang thoang mùi rượu brandy. Holmes vẫn đứng đấy trên tay cầm chai rượu, đầu hơi cúi xuống.

- Watson thân mến! - Một giọng nói khá thân thuộc cất lên, - nghìn lần tớ xin lỗi cậu. Tớ không ngờ cái ấy lại gây cho cậu một xúc động mạnh như vậy.

Tôi nắm lấy tay anh.

- Holmes! - Tôi thốt lên. - Có phải thật cậu không? Chẳng lẽ cậu vẫn còn sống ư? Không thể nào tin được, làm sao cậu vượt lên được cái thác nước khủng khiếp ấy?

- Hãy đợi chút đã. - Anh nói. - Không biết cậu đã bình tĩnh lại chưa? Rõ ràng sự xuất hiện quả đường đột của tớ đã làm cho cậu choáng váng.

- Tớ đã bình tĩnh lại rồi. Nhưng thú thật với cậu, tớ không còn tin vào mắt mình nữa. Thật hú vía! Chẳng lẽ chính cậu đấy ư? Không phải ai khác đang đứng trong phòng tớ đấy chứ?

Tôi lại nắm lấy cánh tay anh và bóp nắm cánh tay gân guốc.

- Đúng rồi, chính là cậu rồi, không còn nghi ngờ gì nữa, - Tôi tiếp. - Bạn yêu mến của tôi ơi! Tớ hạnh phúc biết bao khi được gặp lại cậu! Hãy ngồi xuống cái đã, và hãy kể vắn tắt cho tớ nghe, bằng cách nào cậu thoát khỏi vực thẳm

kia?

Holmes ngồi xuống đối diện với tôi, với dáng điệu quen thuộc như xưa, anh lấy thuốc ra châm hút. Anh vẫn đang mặc chiếc áo đã sờn với dạng của người bán sách cũ, nhưng những thứ dùng để cải trang như bím tóc bạc, túi đựng sách cũ... đã nằm trên bàn. Tôi có cảm giác anh gầy hơn xưa, cái nhìn của anh có vẻ sắc sảo hơn. Khuôn mặt trắng xanh nhợt nhạt của anh chứng tỏ trong thời gian qua, anh đã ném nhiều khổ cực, đã trải qua một chặng đường đời khắc khổ không có lợi cho sức khoẻ.

- Watson, được đuổi thẳng người ra thật khoan khoái! - Anh lên tiếng, - Một người cao lớn như tớ, không dễ dàng gì mà rút đi một foot; và bắt buộc giữ tình trạng đó suốt mấy tiếng đồng hồ. Bây giờ, chúng ta sẽ đề cập đến những vấn đề cực kỳ nghiêm trọng... Tớ muốn cầu cứu sự giúp đỡ của cậu, nếu cậu không phản đối. Cả hai chúng mình sẽ phải thức trắng suốt đêm nay với một công việc nặng nhọc đầy nguy hiểm. Tốt nhất, nên để chuyện cuộc phiêu lưu của tớ đến lúc công việc kia giải quyết xong xuôi.

- Nhưng tớ đang cháy ruột, cháy gan vì tò mò. Holmes, tớ nóng lòng được cậu kể ngay bây giờ.

- Cậu có đồng ý đi với mình đêm nay không?

- Đi bất cứ nơi đâu, bất kỳ lúc nào, tùy cậu.

- Hoàn toàn như ngày xưa. Chúng ta vẫn còn kịp giải lao cho thư thả trước lúc lên đường... Nào, bây giờ tớ bắt đầu câu chuyện về cái thác nước. Nguyên nhân đơn giản làm cho tớ lên được khỏi vực thẳm, là tớ chưa hề bị rơi xuống đó.

- Cậu không bị rơi xuống vực à!

- Đúng thế, Watson ạ, không hề bị rơi. Thế nhưng, mẩu thư tớ viết cho cậu hoàn toàn là sự thật. Khi bóng dáng độc ác của giáo sư Moriarty xuất hiện trên lối mòn chật hẹp, chặn ngăn con đường giải thoát duy nhất của tớ, lúc ấy nghĩ, mọi chuyện đối với tớ như vậy đã chấm dứt. Trong đôi mắt màu nâu của hắn, tớ đọc được quyết định không thể nào lay chuyển nổi về số phận của tớ. Tớ trao đổi với hắn vài ba câu, hắn lịch sự cho phép tớ được viết một

mẫu tin ngăn ngủi, cậu đã nhận được bức thư. Tớ để lá thư cùng hộp thuốc và cây gậy lại, còn tự mình đi theo lối mòn tiến về phía trước. Moriarty đi theo sau tớ từng bước một. Khi đến đoạn cuối cùng của lối mòn, tớ dừng lại, bởi có đi tiếp cũng không còn đường nào hết. Hắn không thèm lấy ra một thứ vũ khí gì, vội lao vào tớ và hắn dùng đôi tay dài ngoằng của mình chộp lấy tớ. Hắn biết, cuộc đời của hắn đã tới số, hắn chỉ cần thực hiện một việc là trả thù tớ. Không thèm buông ra, tớ với hắn giằng co ngay bên mép vực thẳm. Nhưng, nhờ tớ biết vài miếng võ Nhật Bản, khoản này đã giúp tớ không ít trong công việc, tớ kịp thoát ra khỏi người hắn. Hắn thét lên nghe thật man rợ, loạng choạng vài giây, hai tay chới với trong không trung. Mặc dù hắn cố gắng hết sức, nhưng vẫn không thể giữ nổi thăng bằng và ngã xuống. Đứng trên bờ vực thẳm, tớ nhìn theo rất lâu xem hắn bị rơi xuống vực như thế nào? Tớ thấy hắn va vào gờ của một tảng đá và chìm xuống dưới nước.

Tôi lắng nghe Holmes kể với tâm trạng hồi hộp vô cùng. Còn anh vẫn thản nhiên, vừa kể vừa thả khói thuốc một cách khoan thai.

- Nhưng còn các vết chân! - Tôi thốt lên. - Chính tớ, bằng mắt mình đã trông thấy rõ rành rành hai dãy bước chân cùng đi lên theo lối mòn, dấu quay lại không hề có.

- Chuyện ấy xảy ra như thế này. Trong giây phút, khi giáo sư Moriarty rơi xuống vực; tớ hiểu rằng, vận may đã đến với tớ một cách không ngờ. Tớ biết rằng không phải chỉ có một mình Moriarty đang tìm cách giết tớ. Ít nhất phải có ba tên đồng bọn, cái chết của thủ lĩnh sẽ đốt cháy tim bọn nó một sự khao khát trả thù. Đó là một lũ người cực kỳ nguy hiểm. Trong tương lai, sẽ có một tên nào đó trong bọn chúng thực hiện mưu đồ làm hại tớ. Nếu chúng nghĩ rằng tớ đã chết, thì chúng sẽ hành động trắng trợn hơn, ít đề phòng và dễ dàng để lộ tung tích, lúc ấy, sớm hay muộn rồi tớ cũng có ngày tiêu diệt được chúng nó. Chỉ đến lúc này, tớ mới thông báo cho mọi người biết tớ vẫn còn sống! Bộ não của con người làm việc rất nhanh, Moriarty chưa kịp xuống tới đáy của vực nước Reichenbach tớ đã nghĩ xong kế hoạch đôi phó rồi.

Tớ đứng lên và quan sát bức tường đá sừng sững ở sau lưng. Trong đoạn miêu tả về cái chết tang thương của tớ, mà tớ rất thú vị đọc sau đó vài tháng,

cậu cho rằng: bức tường đá hoàn toàn dựng đứng và trơn tuột. Không phải đúng hết như vậy. Trên tảng đá có vài chỗ gờ nhô ra, có thể đặt chân, bám vào được. Ngoài ra dựa vào các dấu hiệu, tớ tin sẽ có một cái hốc nào đấy ở trên cao... Mỏm đá khá cao, rõ ràng không thể nào trèo lên đỉnh được, và cũng không thể đi theo lối mòn ẩm ướt mà không để lại dấu vết. Thực ra tớ cũng có thể mang giày cho gót lộn ngược cũng được, như tớ đã từng làm trong những trường hợp tương tự; nhưng ba dấu giày cùng đi theo một hướng, không thể tránh khỏi sự nghi ngờ rằng có ý đánh lừa được. Vì vậy tốt nhất cứ liều leo lên cao. Điều này không phải là dễ, thác nước đang réo ầm ĩ phía dưới. Tớ có cảm giác tiếng nói của Moriarty đang gọi tớ từ đáy vực thăm vọng đến bên tai. Đôi lúc, khi một nắm cỏ nằm lại trên bàn tay, hoặc bàn chân bị trượt theo cái gờ đá ẩm ướt láng lầy, tớ nghĩ rằng mọi việc đã kết thúc. Nhưng tớ vẫn tiếp tục bò lên, cuối cùng tớ bò lên chỗ nứt lổ khá sâu mọc đầy rêu xanh. Ở đây, tớ có thể nằm duỗi tay, duỗi chân mà không sợ ai nhìn thấy, tớ nghỉ một lát cho sáng khoái. Tớ đã nằm ở đấy, trong lúc đó, cậu và những người được cậu mời tới, đã hoài công dựng lên bức tranh về cái chết của tớ.

Cuối cùng, sau khi đã rút ra kết luận hoàn toàn sai lầm về những diễn biến đã xảy ra, cậu quay về khách sạn, còn tớ nằm lại một mình. Tớ hình dung cuộc phiêu lưu của tớ đã kết thúc, nhưng một việc khá bất ngờ đã xảy ra, chứng tỏ là có một chuyện không kém phần ly kỳ đang chờ đợi tớ. Có một hòn đá to vỡ ra chọt bay vèo qua đầu tớ, rơi xuống lối mòn rồi rơi xuống vực. Lúc đầu tớ cứ nghĩ đó là một chuyện tình cờ. Nhưng, sau khi nhìn lên trên, tớ trông thấy một cái đầu của người đàn ông in trên nền trời đang tắt dần nắng. Đúng giây phút ấy, một hòn đá khác bay tới ngay sát cái hõm mà tớ đang nằm, cách đầu tớ chỉ vài inch. Tình thế đối với tớ đã quá rõ. Moriarty không phải chỉ đến một mình. Tên đồng bọn của hắn cũng khá nguy hiểm, thằng này chắc đứng canh giới, khi thằng Moriarty xông vào tấn công tớ. Từ xa, hắn đã chứng kiến cái chết của thủ lĩnh mình và thấy kẻ thù của hắn đã thoát nạn. Sau khi chờ đợi một lúc, hắn chạy vòng lên đỉnh bằng hướng khác và mưu toan thực hiện việc mà Moriarty đã không thành công.

Watson, tớ suy tính chuyện này rất nhanh. Sau khi nhìn quanh, tớ lại trông

thấy bộ mặt dữ tợn của hắn và hiểu rằng, hắn là kẻ đã ném thêm viên đá nữa. Tớ quyết định bò xuống đến lối mòn. Tớ không biết, trong trạng thái bình thường, tớ có làm nổi chuyện ấy hay không? Tuột xuống khó gấp cả nghìn lần lúc leo lên. Nhưng không hơi đâu mà đắn đo, suy tính. Khi đó tớ đang treo người, hai tay bám vào mép của khe đá. Một viên đá thứ ba bay vù qua đầu tớ. Tụt được nửa đường, bỗng tớ trượt chân một cái, nhưng dẫu sao, tớ cũng đã đến lối mòn. Người bị rách bươm, thâm đầy máu, ba chân bốn cẳng tớ cắm đầu cắm cổ chạy. Trong đêm tối tớ chạy xuyên rừng, xuyên núi 10 dặm và một tuần sau tớ có mặt ở Florence và tin chắc rằng: không một người nào trên đời này biết được số phận của tớ.

Chỉ một người biết được bí mật, đó là anh trai tớ - Mycroft. Nghìn lần xin lỗi cậu, Watson. Nhưng tớ bắt buộc phải làm như vậy, cứ để mọi người tưởng tớ chết thật là được rồi. Nếu không, không bao giờ cậu có thể viết lên những điều khẳng định chắc chắn về cái chết của tớ, nếu cậu tin rằng đó là sự thật. Trong ba năm ấy, đôi lần tớ định viết thư cho cậu, nhưng mỗi lần như vậy, tớ đành phải dằn lòng, vì sợ rằng mối mật thiết quá ư chặt chẽ giữa cậu và tớ sẽ dễ làm cho cậu có sơ suất, và sẽ lộ điều bí mật của tớ. Vì sao chiều nay tớ phải tránh mặt cậu, khi cậu làm rơi sách của tớ? Tớ thật liêu lĩnh, nếu như cậu kêu lên vì kinh ngạc hoặc vì vui mừng, mọi người sẽ nhìn chằm chằm vào tớ chuyện đó sẽ dẫn đến hậu quả không thể cứu chữa được. Còn phải nói cho anh Mycroft, thì cực chẳng đã tớ mới thú thật mà thôi, bởi tớ rất cần một món tiền để tiêu xài.

Công việc ở London giải quyết rất tẻ, tẻ hơn là tớ mong đợi. Sau khi ra tòa, trong băng của Moriarty, còn hai tên đang nằm ngoài vòng pháp luật. Đó là hai tên cướp rất nguy hiểm, cả hai thằng đều là kẻ tử thù của tớ. Vì thế, tớ đã đi chu du trong hai năm ở vùng Tibet, và đến thăm thành phố Lhasa, thậm chí còn bỏ cả mấy ngày để đến thăm các Lạt ma. Có lẽ cậu đã đọc bài báo nói về vụ chấn động lớn của một người Na Uy, mang tên Sigerson, nhưng cậu làm sao có thể nghĩ rằng, bài ấy là của bạn mình. Tớ còn đi thăm vài nơi ở vương quốc Ả rập, chuyến đi thăm do tớ đề nghị lên ngài Bộ trưởng Ngoại giao.

Sau khi quay về Châu Âu, tớ ở lại thăm nước Pháp vài tháng, ở đây tớ tham

dự vào công cuộc nghiên cứu, phân tích những chất lấy từ một vùng than đá. Việc này tớ làm ở một phòng thí nghiệm thuộc miền nam nước Pháp - Montpellier, sau khi kết thúc tốt đẹp thí nghiệm và biết được hiện nay ở London chỉ còn sống sót một kẻ thù không đội trời chung của tớ, tớ suy tính chuyện trở về. Lúc đó tớ nghe tin vụ ám sát đầy bí ẩn ở phố Park Lane và nóng lòng ra đi. Tớ cũng đã nghiên cứu kỹ vụ này rồi. Đáp số của vụ án mạng sẽ giúp tớ thực hiện ý định của riêng mình. Thế là, tớ vội vã quay về London. TỰ tớ đến phố Baker, và đã làm cho bà Hudson bị một phen hoảng sợ, lên cơn thần kinh. Anh trai tớ vẫn trông nom căn phòng và mọi giấy tờ vẫn nguyên vẹn như lúc tớ ra đi. Ngày hôm nay, lúc 14 giờ, tớ đã ghé vào căn phòng cũ của mình, ngồi vào chiếc ghế bành thân quen, và chỉ mong ước một điều duy nhất là làm sao cho người bạn cũ Watson của mình được cùng ngồi ung dung trong một chiếc ghế bành khác mà anh ta vẫn thường ngồi.

Câu chuyện kinh hoàng tôi đã được nghe trong buổi tối tháng tư là như vậy đấy. Tôi khó lòng tin đó là sự thật. Mặc dù chính mắt tôi đã trông thấy thân hình cao, gầy và khuôn mặt thông minh, cương nghị của người bạn mà tôi nghĩ rằng, không bao giờ tôi còn gặp lại. Không biết bằng cách nào, Holmes đã rõ cái chết của vợ tôi, sự thương cảm được thể hiện trong giọng nói của anh:

- Làm việc! Đó là cách tốt nhất để khuây khỏa nỗi đau khổ, Watson yêu quý
- Anh động viên an ủi tôi - Khuya hôm nay, có công việc đang chờ chúng mình. Người có diễm phúc hoàn thành sứ mệnh một cách tốt đẹp có thể mạnh dạn tuyên bố rằng, anh ta đã sống một cuộc đời không phải là uổng phí, vô ích.

Tôi đã mất công để thuyết phục anh giải thích cho rõ.

- Đến sáng mai, cậu sẽ được nghe, được thấy đầy đủ, - Anh đáp. - Còn bây giờ không cần nói tới chúng ta còn khối chuyện để tâm sự. Cậu biết đấy, đã ba năm rồi chúng mình không được nhìn thấy nhau. Hy vọng chúng ta sẽ tâm sự đến 21 giờ 30, rồi sẽ lên đường, đón nhận một cuộc phiêu lưu đầy thú vị trong một ngôi nhà bỏ trống.

Như ngày xưa, khi tôi ngồi cùng với anh trong một cỗ xe đúng giờ đã định,

tôi sờ soạng khẩu súng ngắn nằm trong túi, tim đập liên hồi vì hồi hộp đón chờ những sự kiện chưa lường trước được.

Holmes thì trầm ngâm, đắm chiêu suy nghĩ. Khi ánh sáng của ngọn đèn đường hắt vào khuôn mặt khắc khổ của anh, tôi thấy anh khẽ ngược đôi lông mày, còn cặp môi mỏng thì mím chặt, chứng tỏ anh đang suy nghĩ rất căng thẳng. Tôi không biết, chúng tôi đang săn đuổi con thú ranh mãnh nào đây trong khu rừng rậm của thế giới tội phạm tại London. Nhưng tất cả dáng điệu của một người thợ săn dày lão luyện như báo cho tôi rằng, cuộc trình thám này sẽ là cuộc trình thám nguy hiểm nhất, ác liệt nhất. Nụ cười mỉa mai thường xuyên xuất hiện trên gương mặt đắm chiêu của bạn tôi không hứa hẹn một điều gì tốt đẹp cho con thú chúng tôi đang săn đuổi.

Tôi định ninh rằng, thế nào chúng tôi cũng ghé về phố Baker, nhưng Holmes lại ra lệnh cho người xà ích dừng xe ở góc phố Cavendish. Trong lúc bước xuống xe, anh cẩn thận quan sát, nhìn soi mói vào từng góc ngách; kiểm lại xem có cái đuôi nào bám sau không. Chúng tôi bước vào một cái ngách trông rất lạ. Holmes luôn luôn làm cho tôi thán phục về sự hiểu biết tường tận khá nhiều góc hẻm ở London. Anh ung dung tự tin bước vào một góc tối đầy chuồng ngựa, đi qua những cái sân hôi hám, nhớp nhúa; tôi không thể tin sự tồn tại có mặt của những thứ ấy. Cuối cùng chúng tôi lọt vào một cái hẻm chật hẹp, có hai dãy nhà cũ kỹ, tối tăm ở hai bên. Đường này dẫn chúng tôi ra phố Manchester, rồi đến phố Blandford. Holmes nhanh nhẹn nhảy sang một lối hẹp khác, đi qua một hộc cửa bằng gỗ, lọt vào cái sân vắng vẻ. Anh dùng chìa khóa mở cửa sau một ngôi nhà. Chúng tôi bước vào, ngay lập tức anh khóa trái cửa lại.

Dù trời rất tối, nhưng tôi hiểu ngay là ngôi nhà này không có người ở. Nền nhà không lót thảm, kêu lên răng rác; lạo xạo dưới phân, tôi vô ý chạm phải những bức tường, nhiều tờ giấy dán tường bị bong ra treo trên đầu chúng tôi. Những ngón tay gầy, lạnh lẽo của Holmes bóp chặt bàn tay tôi, anh dẫn tôi theo một hành lang dài, cuối cùng trước mắt chúng tôi hiện ra một cái vòm cửa sổ nửa cong, nửa thẳng đứng kín đáo, nằm trên chỗ cửa ra vào. Bỗng dung Holmes quay về bên phải, và chúng tôi lọt vào một căn phòng hình vuông rộng lớn nhưng bị bỏ hoang; các góc, xó hoàn toàn tối om, nhưng ở

giữa phòng thì được lờ mờ ánh sáng ngọn đèn đường. Cạnh cửa sổ không có một ngọn đèn nào, còn tấm kính trên cửa sổ thì bị một lớp bụi dày bao phủ. Chúng tôi nhận ra nhau khá chật vật.

Holmes đặt tay lên vai tôi, và cúi sát môi vào tai tôi.

- Cậu có biết chúng ta đang ở đâu không? - Anh thăm thì hỏi.

- Dường như trong phố Baker, - Tôi vừa nhìn vào tấm kính mờ đục vừa nói.

- Đúng như vậy, chúng ta đang đứng ở nhà Camden, đối diện với căn buồng trước kia của chúng mình.

- Chúng mình đến đây làm gì?

- Đến đây để nhìn hình dạng tuyệt vời của ngôi nhà kia. Không biết có nên tiến sát vào cánh cửa sổ không? Nhưng hãy thật thận trọng, đừng để ai phát hiện ra cậu. Cậu thử nhìn vào cửa sổ của buồng cũ chúng mình đi, nơi đó đang mở ra những cuộc trinh thám đầy thú vị. Cậu thử xem, tớ đã mất khả năng làm cậu kinh ngạc chưa, sau ba năm trời phiêu bạt?

Tôi nhẹ nhàng, cẩn tắc tiến về phía trước, nhìn vào khung cửa sổ vô cùng thân thuộc... Bỗng nhiên tôi thốt lên một tiếng kinh ngạc, bức rèm được buông xuống, đèn sáng rực rỡ, có một người ngồi trên chiếc ghế bành kê ở giữa phòng, hắt bóng rất rõ lên nền sáng của cánh cửa sổ. Từ đầu, đến đôi vai rộng, cho đến khuôn mặt xương xương, cái đầu hơi xoay nghiêng, tạo nên một dáng dấp mờ ảo, những bà cụ rất thích được vẽ kiểu ấy... Không còn gì nghi ngờ, đây chính là một bản sao hoàn hảo chính xác con người Sherlock Holmes. Tôi kinh ngạc đến nỗi phải đưa tay lên sờ vào người anh để khẳng định anh vẫn đứng bên cạnh tôi.

Holmes cười không thành tiếng.

- Thế nào? - Anh hỏi.

- Chuyện này khó tin được! - Tôi thì thăm nói.

- Dường như, năm tháng không cướp đi khả năng sáng tạo của mình, còn thói quen cũng không vì thế bị khô mòn, - Anh nói.

Tôi cũng bắt gặp trong giọng nói anh một niềm vui sướng, kiêu hãnh của nhà

họa sỹ đang thưởng thức công trình tuyệt tác của mình.

- Cậu thấy có thật giống mình không?

- Tớ nghĩ rằng, đây chính là cậu đang ngồi. Vinh dự này thuộc về ngài Meunier[2] ở Grenoble. Ông ta đã tạc tượng tớ trong vòng có vài ba ngày. Nó được làm bằng sáp. Những phần còn lại tớ tự sắp đặt khi tớ quay về hẻm Baker sáng sớm hôm nay.

- Nhưng cậu làm thế nhằm mục đích gì?

- Tớ có nguyên nhân chính đáng. Tớ muốn một số người nào đó cứ đinh ninh là tớ đang ngồi ở nhà, trong khi ấy, thực tế tớ lại ngồi ở một nơi khác.

- Có nghĩa là cậu nghĩ rằng, có một bọn nào đó đang rình mò căn hộ ư?

- Tớ biết, có kẻ đang rình mò căn nhà.

- Kẻ đó là ai?

- Những kẻ thù của tớ. Cái băng đầy hấp dẫn mà tên thủ lĩnh đã vĩnh viễn nằm chôn vùi dưới đáy thác nước Reichenbach. Cậu biết đấy, chỉ có bọn nó mới biết chính xác là tớ vẫn còn sống. Chúng nó tin chắc, dù sớm hay muộn rồi tớ cũng quay về căn phòng cũ của mình. Tụi nó chưa chịu từ bỏ ý định theo dõi rình rập để hại tớ. Sáng nay chúng đã thấy tớ quay về nhà.

- Làm sao cậu đoán được điều đó?

- Trong lúc nhìn qua cửa sổ, tớ nhận ra một thằng thám thính của chúng. Tên của hắn là Parker, chuyên ăn cướp, giết người, đồng thời còn là một nhà tổ chức thiên tài. Tớ chú ý đến thằng này ít thôi. Một thằng khác làm cho tớ chú ý nhiều hơn, đáng gờm hơn là thằng núp sau lưng tên Parker. Đó là kẻ thân cận nhất của tay Moriarty. Chính hắn đã dùng đá ném tới tấp vào tớ từ ngọn núi đá. Hắn là một tên tội phạm ranh ma, xảo quyệt nhất, nguy hiểm nhất hiện nay ở London. Chính hắn đêm nay sẽ đi săn tớ, và hắn đâu ngờ rằng, chúng ta lại săn hắn.

Kế hoạch của Holmes dần dần làm cho tôi sáng tỏ. Từ chỗ ẩn nấp thuận tiện này, chúng tôi có khả năng theo dõi tất cả những ai có ý đồ theo dõi chúng tôi. Dáng dấp bóng người thấp thoáng bên cửa sổ là một miếng mồi, còn

chúng tôi là những tay thợ săn.

Vai kề vai, chúng tôi đứng lặng im trong bóng tối chăm chú ngắm nhìn những bóng người lượn qua lượn lại. Đêm ấy, thời tiết rất xấu, trời trở lạnh tê tái, gió thổi dọc theo dãy phố một cách dữ dội, gay gắt. Người đi lại ngoài đường khá đông, hầu như ai bước đi cũng rất vội, họ đều cố kéo com áo hoặc mũ che kín mũi cho đỡ lạnh.

Tôi có cảm giác một người nào đó cứ đi qua đi lại sát ngôi nhà, đặc biệt có hai người làm cho tôi nghi ngờ hơn cả. Họ làm như thể tránh gió, nên bước vào một cánh cổng cách chúng tôi không xa. Tôi định bụng sẽ báo cho Holmes biết, nhưng anh trả lời tôi với một giọng bực bội rồi tiếp tục theo dõi động tĩnh ngoài đường. Thỉnh thoảng anh đổi chân cho đỡ mỏi hoặc lấy ngón tay gõ gõ vào bức tường. Tôi thấy anh có vẻ không vui, hình như sự việc xảy ra không hoàn toàn đúng như kế hoạch. Trời chuyển về khuya, đường phố tĩnh mịch vắng vẻ Holmes đi lại trong phòng, anh bồn chồn lo lắng, hồi hộp. Vừa máy miệng định nói một điều gì nhưng tôi lại một lần nữa sửng sốt, kinh ngạc.

- Bức tượng cử động kìa! - Tôi thốt lên.

Rất rõ, bóng hình kia quay về phía chúng tôi, không phải bên hông, mà là quay hẳn lưng lại.

Năm tháng không làm cho tính cách của Holmes thay đổi chút nào, anh vẫn là người điềm đạm, nhẫn nại, luôn thể hiện trí thông minh, đầu óc suy luận sắc sảo, nhìn nhận rất tinh tế.

- Phải làm như thật, - Anh đáp. - chẳng lẽ tớ lại là một kẻ ngu ngốc không có bộ não hay sao? Đặt trong phòng một hình nộm bất động không xua được ruồi thì quả là rất lộ liễu, phải chăng nhờ nó mà có thể đánh lừa được những kẻ ranh ma nhất Châu Âu ư? Chúng mình thu lu trong xó xỉnh này đã hai giờ đồng hồ, trong lúc đó bà Hudson đã thay đổi vị trí bức tượng tám lần. Cứ mười lăm phút một lần, với điều kiện là bà sẽ không để in bóng mình cho người ngoài trông thấy.

Bỗng nhiên anh im lặng, nín thở. Trong cảnh nhá nhem, tôi trông thấy anh

dươn cổ lên trong tư thế chờ đợi rất căng thẳng.

Đường phố đã hoàn toàn vắng ngắt. Có lẽ, hai tên đứng nấp trong hẻm vẫn còn. Nhưng tôi không tài nào nhìn thấy chúng. Xung quanh tôi một màn đen và sự im ắng bao trùm. Trong bóng đêm, màu vàng của cánh cửa sổ được chiếu sáng rực cùng với bóng của hình người ngồi giữa phòng, càng nổi bật rõ nét. Không gian im ắng đáng sợ, tôi nghe thấy iêng thờ khò khè của Sherlock, chắc anh rất hồi hộp cho kế hoạch của mình. Bỗng nhiên anh ấn sâu tôi vào góc căn phòng, chỗ tối nhất, và lấy tay bịt miệng tôi lại, bằng cách này anh muốn nhủ tôi phải tuyệt đối im lặng. Lúc này, tôi thấy những ngón tay của anh run run. Chưa bao giờ tôi được chứng kiến anh bị kích động, căng thẳng đến tột độ như vậy. Đường phố vẫn tạnh ngắt, yên ả không có gì xảy ra hết. Bỗng nhiên, tôi nghe thấy một âm thanh khe khẽ, rì rầm vang đến tai tôi, âm thanh mà đôi tai cực nhạy của Holmes đã nghe thấy trước. Tiếng động không phải phát ra từ phố Baker, mà chính trong ngôi nhà chúng tôi đang nấp. Cửa ra vào được mở ra, rồi đóng lại. Có tiếng bước chân rón rén vang lên khe khẽ ngoài hành lang. Người đi cố giữ cho bước chân khỏi kêu to, nhưng trong căn nhà hoang này nó vẫn dội lên những âm thanh khá to.

Holmes đứng dựa sát vào tường, tôi cũng làm theo và nắm chặt khẩu súng ngắn, căng mắt nhìn vào bóng tối. Tôi nhận ra lò mờ bóng dáng một người đàn ông, bóng đen hơi sẫm hơn so với tấm khung hình chữ nhật của cánh cửa đã mở. Hắn đứng im ở đó chừng một phút, rồi nhảy xuống và rón rén tiến về phía trước. Mọi cử chỉ hành động của hắn đều chứa đựng một mối đe dọa. Thân hình dữ tợn của hắn đứng cách chúng tôi có ba bước. Tôi lên gân cốt, chuẩn bị đối phó với cuộc tấn công. Nhưng hắn không hề biết có chúng tôi ở đây.

Hắn đi ngang qua chỗ chúng tôi đứng, suýt nữa thì chạm phải nhau. Hắn rón rén tiến đến gần cửa sổ rất thận trọng không hề một tiếng động, hắn nhấc cánh cửa lên cao nửa foot. Khi hắn trèo lên để mở chốt cửa, ánh sáng đèn đường hắt qua tấm kính bản thủ soi rõ bộ mặt hắn, một bộ mặt dễ làm cho chúng ta kích động cao độ. Cặp mắt cháy lên một cách man rợ, nét mặt biến dạng kinh khủng.

Hắn không còn trẻ trung gì nữa, có một chiếc mũi quặp như mỏ diều hâu, trán hói khá cao, bộ râu bạc trắng rất dài. Mũi của hắn được kéo xuống tận gáy, chiếc áo bành tô hở cúc, để hở ra một khoảng trắng trước ngực - chiếc yếm hồ trắng. Bộ mặt rám nắng, đen đui hắn đầy những vết nhăn sâu hoắm. Trong tay hắn cầm một vật đại loại như cây batoong, nhưng khi hắn đặt xuống nền nhà, nó phát ra một tiếng kêu "keng" của kim khí.

Chương 4 - Peter Hắc Ám

Chưa khi nào tôi thấy bạn tôi vui vẻ, phấn khởi, tràn đầy sinh lực như buổi sáng hôm nay, một buổi sáng của năm 1895. Tên tuổi của anh ngày càng nổi tiếng, công việc làm ăn ngày càng bận bịu. Từ sự tôn trọng, kính nể đối với những bí mật của người khác, tôi không cho phép mình rẻ rúng những cái tên của những con người tuyệt vời, đặc sắc mà có lúc gặp cảnh éo le đã phải tới gõ cửa ngôi nhà tôi tàn của chúng tôi ở hẻm Baker.

Cần nói thêm, Holmes như một nhà họa sỹ lỗi lạc, đã làm việc thì lao vào chỉ vì tình yêu, lòng say mê nghệ thuật không hề biết mệt mỏi. Tôi chưa hề nghe (trừ trường hợp duy nhất đối với ngài công tước xứ Holderness) anh yêu cầu món tiền

thưởng cho công lao vô bờ bến của mình. Anh là một người vô tư đến nỗi không ít trường hợp anh đã từ chối giúp đỡ những kẻ giàu sang phú quý: nếu như không thấy trong việc điều tra khám phá những bí mật của họ một cái gì là say mê, lôi cuốn, hấp dẫn. Trong khi đó anh dành thời gian hàng tuần lễ để nghiên cứu công việc cho những người nghèo khổ; nếu như việc ấy trông chừng hắc búa và gay cần, làm cho anh phải đem hết khả năng nghề nghiệp của mình ra sử dụng.

Trong năm 1895 đáng ghi nhớ ấy, Holmes đã giải quyết một loạt những vụ việc quan trọng, lý thú, muôn hình muôn vẻ khác nhau. Bắt đầu từ chuyện tìm hiểu nguyên nhân cái chết đột ngột của Hồng y Giáo chủ Tosca (theo đề nghị chính thức của tòa thánh Vatican) và kết thúc bằng việc bắt giam tên tội phạm Wilson. Tiếp theo những vụ trọng đại nổi đình, nổi đám kia là sự việc đau lòng xảy ra ở phố Woodman s Lee: Thuyền trưởng Peter Carey bị giết trong một cảnh tượng khủng khiếp nhất và bí hiểm nhất. Tập ghi chép của tôi về hoạt động của Sherlock Holmes sẽ hăng lớn nếu trong đó thiếu câu chuyện rùng rợn quá sức tưởng tượng này.

Suốt trong tuần đầu của tháng 7 bạn tôi hay đi và đi rất lâu, làm tôi phải hiểu là anh đang bận một chuyện gì đó. Trong những ngày này vài ba người trông đáng cau có, thô thiển đã ba bốn bận tới lui. Họ nói là họ muốn gặp thuyền

trưởng Basil. Điều đó làm cho tôi hiểu ra là Holmes đang đóng giả một cái tên để tiến hành một vụ điều tra mới. Ở một số nơi trong London, Holmes có ít ra là năm chỗ ở bí mật, nơi mà anh có thể thay hình đổi dạng, không ai có thể phát hiện ra, Holmes không hề thổ lộ cho tôi những công chuyện mới mẻ kia; còn tôi thì không bao giờ có chuyện thóc mách đi hỏi những điều thầm kín của anh. Lần đầu tiên Holmes, không theo lệ thường, đã báo cho tôi biết hiện giờ anh đang tiến hành công việc theo hướng nào.

Trước bữa ăn sáng, anh ra khỏi nhà; nhưng khi tôi vừa mới ngồi vào bàn, đã thấy anh chạy xộc vào phòng, không kịp bỏ mu xuống, ở nách anh cặp một đồ dùng để xiên cá, trông giống như chiếc dù khá lớn.

- Quý tha ma bắt cậu đi Holmes! - Tôi thốt lên, - Không lẽ cậu định dạo chơi ở London với của nợ ấy hay sao?

- Không, tớ vừa ghé lại chỗ người bán thịt.

- Từ chỗ người bán thịt về?

- Không những thế mà còn về nhà với tâm trạng sáng khoái nữa chứ. Cậu biết không, trước bữa ăn nên tập thể dục một tí, có lợi cho sức khỏe lắm. Cậu thử đoán xem bài thể dục buổi sáng của tớ vừa rồi là gì?

- Tớ không hơi đâu mà đi đoán cái chuyện nhảm nhí ấy của cậu.

Holmes bỗng phá lên cười và rót cà phê ra tách.

- Cậu có nhìn thấy căn phòng phía sau của tiệm Allardyce, ở trên trần có treo một con lợn thịt vừa mới mổ xong, còn nguyên vẹn, và một gã đàn ông cởi trần tròng trọc, đang toát mồ hôi cầm cái xiên này chọc tẩm thịt kia. Gã đàn ông ấy chính là tớ. Nhưng than ôi! Mình tớ với một cú đâm không thể nào chọc thủng nổi tẩm thịt ấy được. Cậu có muốn thử sức một tí không?

- Chẳng được tích sự gì. Nhưng cậu làm thế để là ai gì?

- Tớ nghi rằng, chuyện này có dính líu tới việc bí hiểm đã xảy ra ở Woodman's Lee... A, chào ngài Hopkins, tối hôm qua tôi có nhận được bức điện của ngài, và đang đợi ngài đây. Mời ngài vào, và xin mời ngài dùng bữa sáng, với chúng tôi một thể.

Một người đàn ông gầy gò, nhanh nhẹn, trạc ba mươi tuổi bước vào phòng. Anh ta mặc trong người một chiếc áo len giản dị, nhưng trông điệu bộ của anh ta dễ thấy rằng anh ta có thói quen mặc quân phục. Tôi nhận ra ngay anh chàng Stanley Hopkins, viên thanh tra trẻ tuổi của Sở cảnh sát, mà theo lời nhận xét của Holmes, là một người có năng lực hơn cả. Ngược lại, Hopkins tự cho mình là học trò của Holmes - người thám tử lão luyện, dày dặn kinh nghiệm và luôn luôn thán phục những phương pháp đầy tính khoa học của anh.

Bộ mặt của Hopkins trông có vẻ cau có, quàu quạu anh ta ngồi phịch xuống ghế bành, dáng điệu rầu rĩ thảm hại.

- Mời ngài cứ tự nhiên, cảm ơn ngài, tôi cũng vừa ăn sáng xong. Tôi đã ngủ lại thành phố, vì phải đến đây để trình bày một số vấn đề với ngài.

- Ngài sẽ trình bày những vấn đề gì?

- Thưa ngài, về chuyện thất bại của tôi.

- Việc của ngài không tiến triển thêm chút nào sao?

- Thưa ngài, không.

- Không lẽ lại như thế? Kiểu này tôi buộc lòng phải nhúng tay vào giải quyết thôi.

- Vì Chúa, tôi mong ngài giúp đỡ! Lần đầu tiên người ta giao cho tôi công việc khá quan trọng, tôi không đủ sức đảm đương. Xin ngài cố gắng giúp cho!

- Thôi được, tôi cũng đã nắm trong tay một số dữ kiện của cuộc điều tra. Ngài có suy nghĩ gì về túi đựng thuốc tìm thấy nơi xảy ra vụ án? Trong đó liệu có tìm ra chìa khóa để mở và giải đáp những điều bí ẩn hay không?

Hopkins dường như ngạc nhiên:

- Thưa ngài, túi đựng thuốc lá là của người bị giết. Bên trong túi có ghi mấy chữ cái viết tắt và nó được làm bằng loại da hải cẩu. Người bị giết trước đây nhiều năm đã làm nghề săn bắt hải cẩu.

- Nhưng trong người ông ta không tìm thấy một chiếc tẩu thuốc nào hết!

- Đúng vậy, thưa ngài, chúng tôi không tìm thấy chiếc tàu thuốc ở đâu cả. - Rõ ràng là ông ta hút rất ít. Cũng có thể ông ta giữ thuốc để mời bạn bè.

- Không thể chối cãi điều đó. Tôi muốn đề cập tới vấn đề này cũng chỉ vì, nếu tôi là người thân chinh điều tra vụ án, tôi sẽ lấy cái túi đựng thuốc lá làm xuất phát điểm cho việc điều tra, thăm dò tiếp theo. Tuy vậy, bạn tôi, bác sỹ Watson đây chưa được nghe kể về chuyện này, và tôi cũng không từ chối được nghe lại lần nữa. Ngài hãy kể tóm tắt cho chúng tôi nghe những gì thật quan trọng.

Hopkins lôi từ trong túi ra một tờ giấy nhỏ.

- Tôi có nắm được một đôi điều về cuộc đời của ngài thuyền trưởng Peter Carey đã chết ông ta sinh năm 1845, nghĩa là đã 50 tuổi. Ông ta được đánh giá là một trong những tay săn hải cẩu, cá voi can đảm nhất và thành đạt nhất. Năm 1883 ông ta đã chỉ huy một chiếc thuyền săn chạy bằng buồm mang tên "Sea Unicorn" ra đi từ Dundee, cũng trong năm ấy ông ta thực, hiện một loạt chuyến đi thành công. Năm sau ông ta xin từ chức. Sau đó đi chu du khắp nơi trong vòng vài ba năm. Cuối cùng mua một biệt thự nhỏ "Woodman's Lee" bên cạnh Forest Row, Sussex. Ông ta đã sống 6 năm ở đây. Và chết cách đây đúng một tuần. Ông ta là một người khác thường. Trong cuộc sống thường lặng lẽ, rầu rĩ, hay cau có và khó tính vô cùng. Gia đình của ông gồm có vợ và cô con gái 20 tuổi. Công việc trong nhà do hai cô hầu gái trông nom lo liệu. Những người hầu gái kia được thay đổi thường xuyên; có lẽ họ sống trong đó không được dễ chịu cho lắm, họ không thể nào chịu được trong thời gian dài. Carey rất hay uống rượu, mỗi khi cơn nghiện nổi lên, ông ta trở thành một con quỷ dữ tợn. Đã có lần giữa đêm khuya ông ta đuổi vợ con ra khỏi nhà, và đua nắm đất ra dọa họ, rượt họ chạy khắp cả vùng. Và họ la hét âm ỉ đến nỗi làm cho những người ở làng bên phải thức giấc.

Có lần ông ta bị gọi ra tòa vì tội đã đánh trọng thương một cha cố già, khi ông này định giáo huấn tu tỉnh, hối cải cho lão ta. Tóm lại, thưa ngài Holmes, khó tìm thấy một người nào nguy hiểm hơn lão Peter Carey. Tôi được nghe người ta nói, trong lúc còn chỉ huy con tàu, tính tình của lão ta cũng như vậy. Ở giới thủy thủ gọi lão ta là Peter "hắc ám", không phải chỉ do

bộ mặt của lão đen đui và bộ râu rậm đen, mà còn là do tính cộc cằn, hung dữ, điên rồ của lão; tính ấy đã làm cho mọi người phát sợ. Không có gì là khó hiểu khi mọi người căm ghét và tránh xa lão ta, và tôi không hề nghe một lời xót thương cho cái chết của lão.

Thưa ngài Holmes! Có lẽ ngài đã được đọc bản điều tra ghi trong biên bản nói về ngôi nhà của người ấy, nhưng chắc bạn ngài chưa nghe nói về nó thì phải. Cách ngôi nhà chính không xa, tay thuyền trưởng đã dựng cho mình một căn nhà phụ bằng gỗ; mà ông ta luôn mồm gọi là "cabin"; cứ đêm đến, ông ta lại ra đây ngủ. Đó là một chiếc lều một phòng nhỏ nhắn, diện tích độ 16x10 feet; ông ta luôn giữ chìa khóa trong người, không muốn cho bất cứ một ai lọt vào đó; ông tự mình dọn dẹp, tự mình trải khăn, trải giường. Trên hai bức tường của ngôi nhà có đục hai cửa sổ nhỏ. Cả hai cửa sổ bao giờ cũng đóng kín mít, có một cửa sổ trông ra con đường làng. Có lần trong căn nhà này đèn thấp suốt đêm, những người qua đường ngạc nhiên tự hỏi: tay Peter đang làm cái gì trong đó? Chính cửa sổ ấy - thưa ngài Holmes đã giúp chúng tôi xác định một vài chi tiết đáng lưu ý trong quá trình điều tra.

Hẳn ngài còn nhớ, người thợ đập đá tên là Slater đã đi qua Forest Row vào khoảng một giờ đêm trước khi xảy ra vụ giết người 2 ngày, đã dừng lại trước cơ ngơi của lão Carey, ông ta nhìn theo vệt sáng xuyên qua những đám cây. Anh ta thề là đã trông thấy bóng dáng người đàn ông hiện lên rất rõ trên nền chiếc trèm che cửa sổ. Nhưng đó không phải là bóng của Peter Carey, vì anh chàng Slater biết khá rõ lão Carey này. Người đàn ông kia cũng để râu, nhưng râu người này ngắn hơn, thả xuống chứ không như râu lão Carey. Người thợ đập đá khẳng định như vậy. Cần nói thêm là, trước đó anh ta đã ngồi trong quán rượu suốt 2 giờ đồng hồ, và khoảng cách từ đường cái tới cửa sổ cũng khá xa. Những điều anh ta nói là vào ngày thứ hai, còn vụ giết người lại xảy ra vào ngày thứ tư.

Thứ ba Peter Carey ở trong tình trạng sợ hãi nhất, lão ta hoàn toàn say mê, không còn biết gì nữa, lão như một con thú dữ bị thương, thật dữ dằn và nguy hiểm vô cùng. Lão ta đi lang thang quanh nhà; đám đàn bà con gái hễ nghe thấy tiếng của lão là chạy vào nhà đóng chặt cửa lại. Cho đến tối mịt lão ta mới trở về "cabin" của mình. Cô con gái ngủ trong buồng bao giờ cũng

mở cửa sổ. Gần hai giờ sáng, từ phía "cabin" bỗng vang lên một tiếng kêu khủng khiếp, cô con gái không lấy đó làm vấn đề quan trọng, vì cho rằng, lão Carey trong lúc say rượu vẫn thường la hét, chửi rủa om sòm. Bảy giờ sáng, sau khi thức dậy người đầy tớ phát hiện ra cánh cửa của ngôi nhà của lão Carey bị mở toang ra, nhưng vì vốn sợ lão cho nên mãi tới trưa vẫn không ai dám bén mảng tới gần chỗ lão ta. Khi nhìn

vào cánh cửa bị mở toang họ trông thấy một cảnh tượng rùng rợn và hoảng sợ đến run người. Họ ba chân bốn cẳng chạy vào làng. Một tiếng đồng hồ sau, tôi có mặt tại hiện trường và bắt tay vào điều tra.

Ngài biết đấy, thần kinh của tôi rất vững, nhưng thú thật tôi cũng thấy choáng váng khi nhìn vào căn nhà bé nhỏ đó. Toàn bộ người lão ta bị một đàn ruồi bu đen kịt; nền nhà, mấy bức tường trông như là một lò sát sinh. Tay thuyền trưởng đã gọi căn nhà này là "cabin" cũng không ngoa. Khi bước vào đó, ngài có cảm tưởng như đang ở trên con tàu ở cuối phòng kê một chiếc giường gỗ bé nhỏ; bên cạnh là cái rương, trên mấy bức tường treo đầy những tấm bản đồ đường biển, bức ảnh chụp con tàu "Sea Unicorn"; một chồng họa báo, ảnh về ngành

đóng tàu chất đầy trên giá sách. Tất cả những thứ ấy giống y như buồng chỉ huy của một thuyền trưởng. Trong mớ hỗn độn đó, người thuyền trưởng, khuôn mặt méo xệch, trông như bộ mặt của một tên vi phạm, đang bị hành hạ dưới địa ngục, bộ râu rậm đen láy dựng đứng lên trong cơn vật lộn giãy chết. Bộ ngực nở nang bị chiếc lao bằng thép đâm thủng. Ngọn lao xiên cá đâm suốt cả người và găm sâu vào tường bằng gỗ. Lão Carey bị dính chặt vào bức tường, trông như một con bọ hung bị người ta dùng kim băng găm vào bìa carton. Tất nhiên lão ta bị chết đứng vào giây phút phát ra tiếng gào thét ghê rợn.

Tôi đã làm quen với phương pháp điều tra của ngài, ngay lập tức tôi đem ra ứng dụng. Sau khi ra lệnh cho mọi người giữ nguyên hiện trường, tôi chăm chú xem xét kỹ lưỡng mảnh đất từ bên ngoài cửa, và tấm sàn ở trong phòng. Nhưng không phát hiện được dấu vết gì cả.

- Ngài định nói là ngài không trông thấy dấu vết?

- Thề với ngài, ở đây không hề có một dấu vết nào hết.

- Anh bạn Hopkins thân mến ơi, tôi đã từng khám phá, điều tra nhiều vụ án; nhưng chưa bao giờ gặp phải tên tội phạm nào có cánh cả. Một khi kẻ tội phạm đi bằng chân, thì hẳn ta nhất thiết phải để lại ít nhất một dấu vết nào đó. Và người nắm vững các phương pháp điều tra một cách khoa học nhất định sẽ phát hiện ra sự thay đổi không đáng lưu ý nhất trong sự sắp xếp đồ dùng xung quanh. Tôi không thể nào tin vào chuyện trong căn phòng ngập đầy kia lại không để lại những dấu vết có thể giúp chúng ta truy lùng ra chân dung tên tội phạm... Cung

cần nói thêm, từ biên bản điều tra tôi thấy vài ba chỗ thậm chí ngài không chịu chú ý tới.

Tay thanh tra non trẻ cau mặt lại. Lời nhận xét khá sắc bén của Sherlock Holmes đã làm cho anh ta sáng mắt lên.

- Tôi đã làm một chuyện ngu ngốc, thưa ngài Holmes, là đã không mời ngài tham gia ngay từ đầu vụ án. - Anh ta thú nhận. - Thế nhưng, đến bây giờ vẫn còn khả năng cứu vãn được tình thế. Vâng, trong phòng còn một vài vật đáng chú ý. Bắt

đầu có lẽ từ ngọn lao xiên cá được dùng để giết tên thuyền trưởng. Có người nào đó đã lấy ngọn lao xuống khỏi bức tường. Hai ngọn lao treo trên hai cái móc, còn móc sắt thứ ba bỏ không. Trên cán ngọn lao cá có khắc dòng chữ "SS. Sea Unicorn, Dundee.". Điều đó chứng tỏ, vụ án mạng đã xảy ra trong một cơn tức giận và kẻ giết người đã vợ lấy thứ vũ khí đầu tiên mà hấn với được. Còn về việc lão Carey ăn mặc nghiêm chỉnh, đàng hoàng khi mà vụ giết người được thực hiện vào lúc hai giờ sáng, thì chứng tỏ lão Carey đã hẹn gặp gỡ với tên sát nhân. Một chai rượu Rum và hai chiếc ly bản còn nằm trên bàn đã chứng minh cho điều đó.

- Đúng. - Homl đáp, - Hai nhận xét trên của ngài có thể chấp nhận được. Thế ở trong phòng ngoài rượu Rum ra còn loại rượu nào khác không?

- Vâng, có ạ. Trên rương có một chiếc khay, trên đó có hai chai rượu brandy và whisky. Những thứ ấy không có ý nghĩa gì. Cả hai chai còn đầy rượu.

Nghĩa là họ chưa đưng đến.

- Dẫn sao, sự có mặt của hai thứ rượu kia cũng có một ý nghĩa nhất định nào đó. - Holmes phản lại. Theo ý ngài, còn vật nào ngài thấy có dính líu đến vụ án này?

- Trên bàn còn một túi đưng thuốc lá.

- Chính xác, nằm ở đâu?

- Ở ngay chính giữa bàn. Nó được làm bằng loại da hải cẩu thô và cứng. Bên trong có đề hai chữ cái "P.C". Trong túi còn độ một nửa ounce[1] thuốc lá loại nặng mà các thủy thủ thường dùng.

- Rất tuyệt. Còn gì nữa không?

Stanley Hopkins lôi trong túi ra một quyển sổ ghi chép bìa vàng xám. Tầm bìa đã bị rách nham nhỡ, còn những trang giấy ghi chép bên trong đã bị vàng ố và bạc màu. Ngay trên trang đầu đề có mấy chữ viết tắt "J. H. N." và năm "1883".

Holmes đặt quyển sổ xuống bàn và bắt đầu quan sát tỉ mỉ. Trong lúc đó tôi và Hopkins nhìn qua vai anh. Trên trang thứ hai chúng tôi trông thấy mấy chữ cái "C. P. R."; tiếp theo trang 2, ba trang sau toàn là những con số chẳng chịt. Ở những trang khác ghi mấy chữ "Argentine,", "Costa Rica,", "Sao Paulo" và tiếp theo là những cột chữ số và những dấu hiệu nào đó.

- Ngài có suy nghĩ gì về những dòng ghi chép này? Holmes hỏi.

- Dường như đó là ghi chép của công ty giao dịch. Tôi cho chữ "J.H.N" là chữ viết tắt của người giao dịch viên, còn "C.P.R" có lẽ là tên của người bạn hàng anh ta.

- Hoặc chữ "C.P.R" có nghĩa thế này "Canadian Pacific Railway," - Holmes có ý kiến khác.

Stanley Hopkins lằm bằm và tự vỗ vào trán mình.

- Tôi mới ngốc nghếch làm sao! - Anh ta thốt lên. - Tất nhiên ngài nói đúng. Bây giờ chúng ta chỉ còn nhiệm vụ giải mã mấy chữ "J.H.N". Tôi đã xem xét tất cả những giấy tờ lưu trữ của công ty trong năm 1883. Tôi không tìm thấy

một người giao dịch nào có tên với những chữ cái như thế kia. Dẫu sao tôi cũng đã chọn đúng hướng. Thật ra thưa ngài, hoàn toàn có khả năng đó là chữ viết tắt của người đã đến thăm lão Carey trong đêm khuya hôm ấy. Nói cách khác, đó là tên của kẻ giết người chăng? Còn quyển sổ tay này, trong đó liệt kê nhiều giấy tờ giá

trị như vậy có thể giúp chúng ta tìm ra những nguyên nhân, động cơ dẫn tới vụ án mạng.

Dựa theo nét mặt của Sherlock, tôi thấy rõ một điều là anh hoàn toàn bị bất ngờ với sự phát hiện mới mẻ này.

- Tôi sẵn sàng thừa nhận những nhận xét của ngài có giá trị, - Anh nói. - Cuốn sổ ghi chép này trong biên bản điều tra không thấy nói đến, nên phần nào đã làm thay đổi nhận định ban đầu của tôi. Trong giả thuyết về vụ án của tôi không có chỗ cho nó. Còn ngài định đi tìm kiếm những chủ nhân của mấy tờ giấy giá trị này phải không?

Holmes tiếp tục xem xét tấm bìa của cuốn sổ dưới chiếc kính lúp phóng đại.

- Ở đây có một vết bẩn, - anh lên tiếng.

- Vâng, thưa ngài đó là vết máu. Tôi đã nói với ngài là cuốn sổ được nhặt từ dưới sàn nhà.

- Vết máu dính ở mặt trên hay mặt dưới?

- Ở mặt dưới nằm dí dưới sàn nhà.

- Nghĩa là, quyển sổ này rơi xuống nền nhà sau khi xảy ra vụ giết người.

- Đúng vậy, thưa ngài Holmes. Tôi nghĩ kẻ giết người trong lúc vội vội vàng vàng đã đánh rơi nó. Cuốn sổ nằm ngay chỗ cửa ra vào.

- Có khả năng... Ngài có tìm thấy một tờ nào trong số những giấy tờ giá trị kia trong đồng tài sản của kẻ bị chết hay không?

- Không thấy, thưa ngài.

- Ngài có đủ cơ sở để nghi rằng đây là một vụ cướp bóc hay không?

- Thưa ngài không, dường như không có vật gì bị cướp đi.

- Có trời mới biết được! Trường hợp này thú vị thật ở đây có con dao hả?

- Con dao còn nằm trong vỏ, người ta không kịp rút nó ra. Nó nằm ngay dưới chân kẻ bị giết. Bà vợ người quá cố nói rằng con dao này là của chồng

Holmes trầm ngâm suy nghĩ:

- Thôi được, - anh đáp, - tôi nghi, có lẽ tôi phải đi đến đó và xem xét tại chỗ.

Stanley Hopkins vui sướng thốt lên:

- Cảm ơn ngài! Điều đó sẽ gỡ bớt được gánh nặng trên người tôi.

Holmes dí ngón tay dọa dọa viên thanh tra:

- Mọi việc sẽ đến giản hơn rất nhiều, nếu như được giải quyết cách đây một tuần. - Anh nói. - Nhưng cho đến bây giờ cuộc thăm viếng của tôi vẫn có thể mang lại một ích lợi nào đó cho vụ án. Watson, nếu cậu không bận việc gì, thì tớ thật sung

sướng được ra đi với cậu. Hopkins, ngài đi gọi ngay xe ngựa, chúng ta sẽ cùng đi đến Forest Row trong nửa giờ nữa.

Sau khi xuống một trạm xe nhỏ bé, chúng tôi còn phải đi tiếp vài ba dặm nữa trên một con đường xuyên qua cánh rừng rậm rạp. Khu vực khí ho cò gáy này, trong một thời gian dài 60 năm là những pháo đài của Anh Quốc. Những khu rừng bát ngát đã bị đốn trụi, bởi ở đây đã mọc lên những nhà máy luyện gang thép đầu tiên trong nước; để nấu quặng thì cần gì tới rừng. Ngày nay, nền công nghiệp đã chuyển về những vùng giàu có của miền Bắc, chỉ có cánh rừng là đã bị thưa đi, và những rãnh, luống đồ sộ còn in dấu nằm lại trên mặt đất, như nhắc nhở chúng ta nhớ về một thời sôi động đã qua. Trong một khoảng trống trên triền dốc xanh rì của ngọn đồi là một dãy nhà dài, xây bằng những tảng đá không được gọt giũa, có một con đường quanh co uốn khúc dẫn tới ngôi nhà. Con đường này hắt lên lớp

lánh giữa những cánh đồng Gân con đường, từ ba phía bị những bụi cây sum suê bao kín, một chiếc lều bé nhỏ trơ trọi ở đó, quay cửa sổ và cửa ra vào như tò mò ngắm nhìn những kẻ qua đường. Chính ở đây đã xảy ra vụ giết người.

Stanley Hopkins dẫn chúng tôi vào nhà giới thiệu với một người đàn bà tóc bạc trắng đang cau có - bà vợ góa của kẻ quá cố. Một khuôn mặt phờ phạc, những nếp nhăn sâu hoắm và cái nhìn đầy kinh hãi của cặp mắt sưng húp cùng với hàng mi mọng đỏ chứng tỏ bà ta đã phải trải qua những năm tháng đầy tủ nhục và đắng cay uất hận. Cô con gái, một cô gái tóc vàng, vóc dáng xanh xao, hừng hực cặp mắt lấp lánh, tuyên bố cô ta rất sung sướng vì cái chết của người cha; và rất đội ơn đôi bàn tay của ai đó đã đem đến cái chết cho ông ấy. Peter Carey đã gây

nên một không khí ngột ngạt, sợ hãi trong gia đình. Chúng tôi cảm thấy dễ chịu khi đi dưới bầu trời tự do trên con đường mòn dẫn ngang qua cánh đồng do thuyền trưởng quá cố đã tạo nên. Ngôi nhà được xây dựng quá sơ sài, vật liệu toàn bằng gỗ với hai mái gỗ nhẹ và hai cửa sổ, một cửa sổ nằm ngay bên cạnh

cửa chính, còn cửa sổ kia nằm đối diện. Stanley Hopkins lấy ra chiếc chìa khóa và tra vào ổ khóa. Bỗng nhiên anh ta dừng lại, trên nét mặt lộ rõ sự ngạc nhiên sững sốt và chăm chú căng thẳng.

- Có ai đó muốn nạy ổ khóa này. - Anh ta nói. - Điều này không còn nghi ngờ gì nữa.

Cánh cửa bị cào xước, những vết xước trắng hiện lên khá rõ trên lớp sơn, dường như có một người nào đó vừa mới cào vào.

Holmes nhìn vào cửa sổ:

- Cánh cửa sổ cũng bị ai đó cố tình mở, nhưng rõ ràng là không mở được. Điều này chứng tỏ kẻ cạy cửa không phải là một tay thuộc loại chuyên nghiệp.

- Chuyện này thật kỳ cục. - Viên thanh tra nói. - Tôi có thể khẳng định với ngài, tối hôm kia những vết này chưa hề có.

- Hay là một kẻ ngớ nào đó trong làng ra đây vì tò mò cung nên? - Tôi thử đề xuất ý kiến.

- Không thể như thế đâu. Trong trường hợp vừa xảy ra vụ chết chóc, hiếm có người dám lảng vảng ghé đến sân ngôi nhà, chứ chưa nói chuyện cả gan dám

cạy khóa căn phòng "cabin". Những kẻ gan dạ như vậy khó tìm lắm. Còn ngài, ngài nghĩ gì về sự việc này thưa ngài Holmes?

- Tôi cho là chúng ta đã gặp may.

- Ngài cho rằng người ấy sẽ quay lại đây lần nữa hay sao?

- Rất có khả năng. Hẳn ta đã dùng con dao nhíp nhỏ xíu để cạy cửa, cái đó không giúp gì cho hẳn, hẳn ta sẽ làm gì bây giờ?

- Tối hôm sau sẽ trở lại với một dụng cụ thích hợp hơn.

- Ngài nói đúng. Thật là ngốc, nếu chúng ta không ngồi chờ hẳn ở đây. Bây giờ ngài cho phép tôi được ngắm nhìn "cabin" bên trong.

Những vết tích của chuyện tang thương đã được dọn dẹp, nhưng giường, bàn ghế kê trong phòng vẫn để y nguyên chỗ cũ; như đêm xảy ra vụ giết người. Trong vòng 2 giờ, Holmes đã xem xét tỉ mỉ từng vật một, nhưng dựa theo nét mặt của anh có thể đoán công cuộc tìm kiếm này không mang lại kết quả gì. Chỉ một lần anh dừng công việc điều tra tỉ mỉ của mình lại.

- Hopkins, ngài có lấy một vật gì để trên giá sách hay không?

- Không, tôi không hề đụng tới một vật gì hết.

- Nếu vậy, ở đây có cái gì đã bị lấy đi, trong góc giá sách ở chỗ kia bụi bám hơi ít hơn một chút. Có lẽ có một quyển sách hay một cái hộp nào đó đã nằm ở đấy... Thôi tạm đủ. Chúng ta hãy đi dạo trong khu rừng tuyệt diệu này, để cùng nhau thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên, ngắm chim, ngắm hoa. Hopkins chúng ta sẽ gặp lại ở đây, không hiểu tối nay chúng ta có được hân hạnh làm quen với anh chàng nạy khóa kia hay không?

Đúng 12 giờ khuya, chúng tôi tổ chức một cuộc phục kích. Hopkins thì muốn để trống cửa không có khóa, nhưng Holmes lại lo ngại chuyện đó sẽ làm cho kẻ kia đề phòng, bởi ổ khóa không phức tạp cho lắm, chỉ cần một con dao chắc chắn một chút là có thể cạy được. Holmes cũng đề nghị chúng tôi không nên ngồi trong nhà phục kích, mà ngồi bên ngoài, dưới những lùm cây mọc cạnh cánh cửa sổ thứ hai. Bằng cách đó chúng tôi có thể theo dõi truy kích kẻ kia. Nếu như hẳn thắp đèn lên thì chúng tôi dễ dàng biết được

mục đích nào dẫn hẳn tới đây. Cuộc chờ đợi quả là căng thẳng và kéo dài hành hạ chúng tôi. Thần kinh run lên bần bật như một người thợ săn run rẩy khi ngồi rình con mồi thú đang bị cái khát dày vò, tìm đến con suối để uống nước. Con mồi thú nào sẽ xuất hiện ở đây? Một con hổ dữ với những chiếc răng bén ngọt, hay là một con chó núi nhút nhát, chỉ dám tấn công những con vật yếu đuối và không có khả năng tự vệ?

Chúng tôi ngồi núp trong bụi cây, hoàn toàn im lặng. Lúc đầu tiếng bước chân của những người đi dạo muện vọng đến chỗ chúng tôi ngồi, nhưng rồi những âm thanh ấy cũng im bật. Cuối cùng cả không gian im ắng đến ghê sợ bao trùm lên chúng tôi. Chỉ còn tiếng gõ của chiếc đồng hồ nhà thờ như nhắc nhở chúng tôi thời gian đang trôi qua. Con mưa nhỏ đang nhỏ giọt xuống những cành lá làm mái che mưa cho chúng tôi.

Tiếng chuông báo hiệu đã 2 giờ 30 sáng điểm gióng giả. Cái giờ tối tăm mịt mù lạnh lùng nhất của buổi bình minh sắp bắt đầu. Bất ngờ chúng tôi giật thót người, toàn thân bỗng lạnh toát khi nghe thấy tiếng kêu răng rắc tuy khẽ, nhưng khá rõ từ cánh cổng bằng gỗ. Có một người nào đó đang đi theo con đường mòn. Sự im lặng kéo dài lại bao phủ. Tôi nghi đó là dấu hiệu giả. Thành linh từ sau ngôi nhà vang lên tiếng những bước chân rón rén, thật trọng; lát sau tiếng kêu leng keng của kim khí vang lên. Người này định cạy cửa! Lần này anh ta hành động có vẻ khéo léo hơn, cũng có thể dụng cụ trong tay anh ta tốt hơn. Sau đó vang lên tiếng động và hình như cái khoeo của ổ khóa bị bật ra. Người này bật diêm lên, ánh lửa của ngọn nến chiếu sáng khắp căn phòng. Qua lớp rèm mỏng manh,

chúng tôi trông thấy tất cả những gì xảy ra bên trong.

Người khách ban đêm là một gã đàn ông trẻ tuổi trông gầy gò, ốm yếu. Bộ ria mép đen nhánh làm nổi bật bộ mặt nhợt nhạt chết chóc của anh ta. Anh ta trên dưới 20 tuổi. Tôi chưa thấy người này rơi vào tình trạng thảm thương như thế bao giờ. Anh ta há hốc mồm giờ cả hàm răng ra có lẽ vì quá lo sợ, toàn thân anh ta run lên bần bật. Anh ta ăn bận rất lịch sự, đứng đắn, một chiếc áo bludông túi chéo may bằng loại dạ tốt; chiếc quần thể thao ngắn cun cốn, đầu đội một chiếc mũ nỉ. Chúng tôi thấy anh ta ngơ ngác lo lắng nhìn xung quanh, sau đó, đặt cây

nên xuống bàn, khuất một góc. Từ góc đó, anh ta cầm lên một cuốn sách - đó là tập họa báo đóng tầu. Cúi người xuống sát bàn, anh ta lật nhanh từng tờ cho đến khi nhìn thấy dòng chữ mà anh ta cần tìm. Đến lúc đó anh ta tức giận đấm xuống cuốn tạp chí, rồi đặt nó và chỗ cu và tắt nến.

Anh ta chưa kịp xoay người chạy ra khỏi công thì đã bị Hopkins chụp lấy áo. Tôi nghe thấy tiếng kêu dữ dội, đầy sợ hãi, tuyệt vọng. Kẻ bẻ khóa đã hiểu rằng: anh ta đã bị bắt. Chúng tôi thấp đèn lên. Anh ta run rẩy, quần quai trong gọng kìm của người thám tử.

- Anh bạn yêu quý, - Hopkins lên tiếng, - Ngài là ai và ngài đến đây làm gì?

Chàng thanh niên cố gắng trấn tĩnh lại.

- Các ngài có phải là những thám tử? - Anh ta hỏi lại. - Các ngài nghi rằng tôi có dính líu tới cái chết của thuyền trưởng Peter Carey? Xin thề với các ngài chuyện này tôi không hề dính líu tới.

- Điều đó sẽ được xác minh sau, - Hopkins đáp. - Trước hết ngài cho biết quý danh?

- John Hopley Neligan.

Tôi nhận thấy Holmes và Hopkins đưa mắt nhìn nhau.

- Ngài cần gì ở đây?

- Tôi có thể tin rằng các ngài sẽ không tiết lộ điều bí mật của tôi?

- Nhất định sẽ phải tiết lộ, chứ biết làm sao!

- Vậy lý lẽ nào buộc tôi phải nói?

- Nếu ngài không nói, ngài sẽ gặp khó khăn ở tòa.

Chàng thanh niên giật bắn người.

- Vậy thì tôi sẽ nói, - Anh chàng nhượng bộ. - Tại sao phải giấu giếm nhỉ? Nhưng tôi thấy kinh tởm với ý nghi là câu chuyện ô danh ngày xưa bị đưa ra cho thiên hạ chê cười. Có bao giờ các ngài nghe thấy ai nói về Dawson và Neligan chưa?

Dựa trên nét mặt của Hopkins, tôi hiểu là anh ta không hay biết gì về chuyện ấy; còn Holmes sôi nổi hẳn lên và đáp:

- Ngài định ám chỉ những ông chủ của nhà băng miền tây phải không? Họ đã bị phá sản hàng triệu bạc; làm khánh kiệt hết nửa bang Cornwall và ngài Neligan đã biệt tích.

- Đúng như vậy. Neligan, đó là cha tôi.

- Cuộc vỡ nợ thực tế chỉ liên quan tới một mình cha tôi. Ông Dawson đã từ bỏ công việc khá lâu. Lúc bấy giờ tôi mới 10 tuổi, nhưng tôi cũng đủ khôn để cảm thấy nỗi tủi nhục và nỗi sợ hãi hùng cho cơ sự đã xảy ra. Mọi người đều cho cha tôi đã vơ vét tất cả giấy tờ quý giá rồi bỏ chạy. Điều đó không đúng sự thật. Cha tôi tin chắc một điều, nếu người ta gia hạn cho ông một khoản thời gian để kịp đổi chứng khoán lấy tiền, thì mọi việc dứt khoát sẽ trôi chảy và ông sẽ thanh toán đầy đủ chu tất cho những người gửi tiền. Cha tôi đã ra đi trên một chiếc thuyền nhỏ để đến Na Uy trước khi đi lệnh bắt ông được ban bố. Tôi vẫn còn nhớ cái đêm cuối cùng khi cha tôi chia tay mẹ tôi, ông có để lại cho chúng tôi một bản thống kê những giấy tờ chứng khoán mà ông đã mang theo. Ông thề rằng nhất định sẽ khôi phục danh dự lại cho mình và sẽ không để cho một ai trong số những người tín nhiệm mình phải chịu cảnh đau khổ, thiệt thòi. Từ đó đến nay chúng tôi không hề được tin tức gì về người cha xấu số nữa. Cả chiếc thuyền và cha tôi đều mất tích một cách bí ẩn. Tôi và mẹ tôi đều tin chắc rằng, cha tôi đã an nghỉ vĩnh viễn dưới đáy đại dương. Chúng tôi có một người bạn rất trung thành, một người đã có mối liên hệ công việc trước kia với cha tôi. Cách đây không lâu, ông ta đã cho tôi hay, một số giấy chứng khoán do cha tôi giữ ngày trước đã xuất hiện trên thị trường London. Các ngài có thể tưởng tượng nổi sự sốt của chúng tôi như thế nào không? Tôi đã mấy tháng trời rờn rã để lần theo các dấu vết các tờ chứng khoán kia và cung đã ném nhiều mùi thất bại, gặp không ít nỗi gian truân vất vả. Cuối cùng tôi đã xác định được những tờ chứng khoán kia là do thuyền trưởng Peter Carey chủ nhân của ngôi nhà nhỏ này bán ra. Tất nhiên, tôi đã tiến hành tìm hiểu về ông ta. Tôi được biết ông ta đã chỉ huy chiếc tàu săn cá voi trên đường quay về đúng vào lúc cha tôi trên đường đi Na Uy. Mùa thu năm ấy thời

tiết khá xấu trên biển hay xuất hiện những cơn bão bất ngờ. Có lẽ chiếc thuyền của cha tôi đã bị trôi dạt về phương bắc, ở đó con tàu của thuyền trưởng Peter Carey đã bắt gặp nó. Nếu đúng như vậy, thì cha tôi đã bị biến mất đi đâu? Nếu ông Peter Carey có thể làm sáng tỏ cho tôi hiểu được tại sao những tờ chứng khoán kia lại xuất hiện trên thị trường, thì tôi sẽ có đầy đủ khả năng để chứng minh là cha tôi đã không hề đem bán những tờ chứng khoán kia, ông đã mang theo nó không nhằm một mục đích tu lợi nào hết.

Tôi đã đi đến Sussex với hy vọng gặp được người thuyền trưởng, nhưng vào đúng thời điểm ấy ông ta đã gặp một cái chết thật khủng khiếp. Trong biên bản điều tra, tôi đã đọc được đoạn mô tả căn phòng "ca bin" của ông ta, ở đây có nói tới những tờ tạp chí, ảnh cu về ngành hàng hải. Tôi bỗng nảy ra ý nghi, nếu tôi may mắn đọc được những tờ tạp chí kia thì có thể sẽ biết được điều gì đã xảy ra trên chiếc tàu "Sea Unicorn" của tháng 8 năm 1883; qua đó tôi sẽ biết được số phận bí hiểm của cha tôi. Đêm hôm qua, tôi đã định vào nhà để xem những tờ tạp chí, nhưng không tài nào mở được cánh cửa. Hôm nay việc làm của tôi đạt kết quả hơn, nhưng tôi đã phát hiện ra là những trang giấy có hên quan đến tháng ấy đã bị xé mất. Sau đó thì các ngài đã tóm gáy tôi.

- Chỉ có thể thôi ư? - Hopkins hỏi.

- Vâng, mọi việc chỉ có thế. - Cặp mắt của chàng thanh niên lướt nhanh lên nhìn chúng tôi, sau khi trả lời xong câu hỏi.

- Ngài còn gì để nói nữa không?

Chàng thanh niên lưỡng lự.

- Xin hết ạ.

- Trước đêm hôm qua ngài đã đến đây lần nào chưa?

- Chưa ạ.

- Thế ngài định giải thích việc này ra sao? - Hopkins quát lên và chìa ra cho chàng thanh niên cuốn sổ tay với những chữ viết tắt tên họ của người thanh niên, và có vết máu dính ở bìa quyển sổ.

Cậu ta hoảng hốt và lấy tay che kín mặt lại.

- Ngài nhặt được cuốn sổ này ở đâu? - Anh ta rên rỉ. - Thế mà tôi không hay biết... Tôi cứ nghi là đánh mất ở khách sạn.

- Đủ rồi! - Hopkins lạnh lùng đáp. - Nếu ngài còn muốn nói điều gì, thì để ra tòa hăng nói tiếp. Còn bây giờ hãy cùng tôi đến sở cảnh sát... Ngài Holmes, tôi vô cùng ơn ngài và bạn của ngài đã quá bước đến đây để giúp đỡ tôi. Có lẽ sẽ không cần sự có mặt của ngài ở tòa án làm gì. Tôi sẽ tự giải quyết công việc cho đến cuối, không cần đến ngài nữa. Những dấu sao tôi cung đội ơn ngài rất nhiều. Ở Khách sạn Brambletye người ta đã dành cho hai ngài hai phòng, vậy chúng ta có thể cùng nhau đến đó nghỉ đêm nay.

- Watson, cậu nghi như thế nào về tất cả chuyện này? - Holmes hỏi, khi chúng tôi trên đường quay về vào sáng hôm sau.

- Tớ trông cậu có vẻ không hài lòng cho lắm thì phải?

- Ô! Không đâu, Watson thân mến. Tớ hoàn toàn hài lòng, nhưng tớ không thể khen anh chàng Stanley Hopkins được, cách thức của anh ta không thể nào chấp nhận được. Tớ lấy làm buồn lòng cho anh ta. Tớ mong đợi ở anh ta nhiều hơn thế kia. Thông thường bao giờ cũng có đáp số thứ hai, và cần phải tìm cho ra cái đáp số ấy. Đó là nguyên tắc đầu tiên của công tác điều tra hình sự.

- Đáp số thứ hai là đáp số nào vậy?

Điều này đang nằm trong nguyên lý phá án của chính bản thân tớ. Có thể nó không mang lại kết quả gì. Tớ không thể nói cho cậu một điều gì được nhưng tớ sẽ tiến hành theo con đường đó đến cùng.

Tại hẻm Baker có vài bức thư đang đợi Holmes. Anh chộp lấy một lá thư, bóc ra và hoan hỉ cười lớn tiếng:

- Watson, thật tuyệt! Phương án thứ hai bắt đầu. Chúng mình còn mẫu in sẵn để đánh điện hay không? Cậu hãy ghi cho mình bức điện với nội dung sau đây: "Gởi ngài Sumner – Đại lý hàng hải, đại lộ Ratcliff - Gởi cho tôi ba người, có mặt vào mười giờ sáng ngày mai. - Basil". Basil là tên của tớ ở ba vùng. Bức điện thứ hai: Thanh tra Stanley Hopkins, 46 phố Lord, Brixton.

Hãy đến vào ngày mai, 10 giờ 30, dùng bữa cơm sáng. Quan trọng. Nếu không đến được, hãy đánh điện báo ngay. - Sherlock Holmes. "...Watson, đồ quỷ quái này theo đuổi tớ suốt 10 ngày ròng rã, bây giờ tớ muốn bứt ra khỏi vòng tay siết chặt của nó. Ngày mai, tớ hy vọng chúng ta sẽ kết thúc chuyện này - Vinh viễn kết thúc".

Chính xác đúng giờ hẹn, tay thanh tra Hopkins xuất hiện và cả ba chúng tôi cùng ngồi vào bàn ăn thịnh soạn do bà Hudson dọn lên. Viên thanh tra trai trẻ hoan hỉ trước thắng lợi ban đầu của mình.

- Ngài hoàn toàn tin tưởng vào lời lý giải của mình là đúng phải không? - Holmes nói.

- Còn sao nữa! Trường hợp này rõ như ban ngày.

- Theo tôi, vụ này chưa phải là kết thúc.

- Ngài làm cho tôi ngạc nhiên đấy, thưa ngài Holmes! Ngài còn định đòi hỏi những gì ở tôi nữa?

- Không lẽ lời lý giải của ngài đã bao hàm tất cả các mặt của vấn đề?

- Không nghi ngờ gì nữa. Tôi được biết là anh bạn trẻ Nhegan đã đi đến khách sạn Brambletye đúng vào ngày đã xảy ra vụ án. Anh ta đi đến đó giả vờ như là người đi chơi golf. Phòng của anh ta nằm ở gác một và anh ta có thể bỏ đi, một khi anh ta muốn. Trong đêm hôm ấy anh ta đã đi đến Woodman's Lee, và đã gặp lão Peter Carey, sau đó hục hặc với lão kia, rồi dùng ngọn lao để giết chết lão ta. Vì kinh sợ bàn tay nhuốm máu của mình, anh ta bỏ chạy và đã đánh rơi quyển sổ tay. Anh ta mang cuốn sổ theo vì muốn đối chiếu những tờ chứng khoán ở nơi tay Peter Carey. Ngài có lẽ đã phát hiện một số dòng ghi trong cuốn sổ được đánh chữ thập? Đó là những chứng khoán đã bị đem bán ra trên thị trường London. Nhưng phần lớn số ấy còn nằm trong tay Carey. Anh chàng Neligan, theo như anh ta thú nhận, đã mơ tưởng muốn chiếm lại những thứ ấy, hy vọng sẽ thanh toán nợ nần cho người cha. Sau khi bỏ chạy một thời gian anh ta không đủ can đảm để quay lại, nhưng cuối cùng đã quyết định nắm thêm một số tin tức cần thiết nên đã quay lại. Đơn giản và dễ hiểu, có đúng như vậy không?

Holmes cười và lắc đầu.